

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---



**ISO 9001:2008**

# **KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP**

**NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hương Thảo**  
**Giáo viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU  
TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP – CƠ ĐIỆN  
QUANG MINH**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY  
NGÀNH: KẾ TOÁN KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Nguyễn Thị Hương Thảo  
Giáo viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Thị Mai Linh**

**HẢI PHÒNG - 2016**

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

---

**NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP**

Sinh viên: Nguyễn Thị Hương Thảo

Mã SV: 1513401039

Lớp: QTL901K

Ngành: Kế toán- kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần  
xây lắp – cơ điện Quang Minh

# NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Hệ thống hoá lý luận chung về tổ chức kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Mô tả thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp cơ điện Quang Minh.

- Trên cơ sở đánh giá ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu, đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp cơ điện Quang Minh.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2015.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

**Công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh.**

# CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

## Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh.

## Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 10 tháng 10 năm 2016

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN  
*Sinh viên*

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN  
*Người hướng dẫn*

Nguyễn Thị Hương Thảo

ThS, Nguyễn Thị Mai Linh

*Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2016*  
**Hiệu trưởng**

**GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị**

# **PHẦN NHẬN XÉT TÓM TẮT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN**

## **1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:**

- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp.
- Chăm chỉ, chịu khó sưu tầm số liệu phục vụ cho bài viết.
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao.

## **2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):**

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1: Tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2: Sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh với số liệu minh họa cụ thể (năm 2015). Số liệu minh họa giữa chứng từ và các sổ kế toán hợp lý, logic.

Chương 3: Sau khi đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh, tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

## **3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):**

Bảng số: .....

Bảng chữ: .....

*Hải Phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2016*  
**Cán bộ hướng dẫn**

***Ths. Nguyễn Thị Mai Linh***

# MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU .....	1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ .....	2
1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	2
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	2
1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	3
1.1.2.1. Khái niệm. ....	3
1.1.2.2. Đặc điểm.....	3
1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	4
1.1.3.1. Yêu cầu quản lý. ....	4
1.1.3.2. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	4
1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	5
1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu. ....	5
1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu. ....	6
1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.....	10
1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	11
1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển. ...	13
1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư. ....	14
1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. ....	15
1.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên. ....	16
1.3.1.1 Chứng từ sử dụng: .....	16
1.3.1.2. Tài khoản sử dụng. ....	16
1.3.1.3. Phương pháp hạch toán. ....	18
1.3.2. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	19
1.3.2.3. Phương pháp hạch toán. ....	20
1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.....	21
1.5.1. Hình thức kế toán nhật ký chung.....	23
1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái. ....	24
1.5.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ. ....	26
1.5.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính. ....	28
1.5.4.1. Đặc cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính. ....	28
1.5.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính. ....	29

<b>CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP – CƠ ĐIỆN QUANG MINH .....</b>	<b>30</b>
2.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ điện Quang Minh.....	30
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty.....	30
2.1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	31
2.1.3. Loại hình kinh doanh.....	31
2.1.4. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động .....	31
2.1.5. Những thành tích cơ bản mà Công ty đã đạt được những năm gần đây .....	32
2.1.6. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty .....	33
2.1.6.1. Sơ đồ.....	33
2.1.6.2. Chức năng của từng bộ phận .....	33
2.1.7. Tổ chức công tác kế toán tại công ty .....	34
2.1.7.1. Tổ chức bộ máy kế toán .....	34
2.1.7.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty.....	35
2.1.7.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty .....	36
2.1.7.4. Hệ thống báo cáo tài chính tại công ty .....	37
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ điện Quang Minh. ....	37
2.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ điện Quang Minh.....	37
2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại Công ty.....	37
2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ điện Quang Minh .....	37
2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty. ....	39
2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ điện Quang Minh.....	56
2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.....	56
2.3.2 Tài khoản kế toán sử dụng.....	56
2.3.3 Quy trình hạch toán. ....	57
2.3.4. Ví dụ minh họa. ....	58
<b>CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP – CƠ ĐIỆN QUANG MINH.....</b>	<b>68</b>
3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh. ....	68
3.1.1. Ưu điểm. ....	68
3.1.2. Hạn chế.....	71



3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh. ....	72
3.2.1. Hoàn thiện về việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho. ....	73
3.2.2. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm vật tư. ....	74
3.2.3. Hoàn thiện công tác kế toán luân chuyển chứng từ.....	78
3.2.5. Hoàn thiện việc ứng dụng Công nghệ thông tin vào công tác kế toán.....	81
3.2.6. Một số giải pháp khác.....	83
3.2.6.1. Quản lý và sử dụng vật tư.....	83
3.2.6.2. Về việc tổ chức kho bảo quản. ....	84
3.2.6.3. Bộ máy kế toán. ....	84
KẾT LUẬN .....	86
TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	87

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.....	12
Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.....	13
Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.....	15
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	18
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	21
Sơ đồ 1.6. trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung. ....	24
Sơ đồ 1.7. trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.....	26
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ. ....	28
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.....	29
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty .....	33
Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán.....	35
Sơ đồ 2.3: Tổ chức hệ thống sổ kế toán.....	36
Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song tại Công ty Cổ Phần xây lắp – cơ điện Quang Minh.....	39
Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ điện Quang Minh.....	57

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Trích HĐ GTGT đầu vào .....	42
Biểu số 2.2: Phiếu nhập kho.....	43
Biểu mẫu số 2.3 Giấy đề nghị cấp vật tư.....	44
Biểu số 2.4: Phiếu xuất kho.....	45
Biểu số 2.5: Trích thẻ kho .....	46
Biểu số 2.6: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ ( sản phẩm, hàng hóa).....	47
Biểu mẫu số 2.7: Hóa đơn GTGT đầu vào.....	49
Biểu số 2.8: Phiếu nhập kho.....	50
Biểu mẫu số 2.9: Giấy đề nghị cấp vật tư. ....	51
Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho .....	52
Biểu số 2.11: Trích thẻ kho .....	53
Biểu số 2.12: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ ( sản phẩm, hàng hóa ).....	54
Biểu số 2.13: Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ ( sản phẩm, hàng hóa ).....	55
Biểu mẫu số 2.14: Hóa đơn GTGT đầu vào.....	59
Biểu số 2.15: Phiếu nhập kho .....	60
Biểu số 2.16: Phiếu xuất kho .....	61
Biểu mẫu số 2.17: Hóa đơn GTGT đầu vào.....	62
Biểu số 2.18: Phiếu chi .....	63
Biểu số 2.19: Phiếu nhập kho .....	64
Biểu số 2.20: Phiếu xuất kho .....	65
Biểu số 2.21 : Trích sổ nhật ký chung .....	66
Biểu số 2.22: Trích sổ cái TK 152 .....	67
Biểu số 3.1: Biên bản kiểm nghiệm vật tư .....	74
Biểu số 3.2: Sổ danh điểm vật tư.....	77
Biểu số 3.3: Sổ giao nhận chứng từ.....	78
Biểu số 3.4: Bảng kê chi tiết giảm giá hàng tồn kho. ....	80

## LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, xu hướng cạnh tranh là tất yếu. Bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng cần quan tâm đến nhu cầu thị trường đang cần sản phẩm để thỏa mãn nhu cầu thị trường và sản phẩm đó phải có chất lượng cao nhất với giá thành thấp nhất để thu lợi nhuận nhiều nhất.

Nguyên liệu, vật liệu là một trong ba yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất, nó chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất và trong giá thành của doanh nghiệp, có tác động trực tiếp đến chất lượng và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp. Việc hạch toán vật liệu phản ánh chính xác tình hình biến động của vật liệu và cung cấp thông tin cho các hoạt động quản trị của doanh nghiệp. Nhất là trong điều kiện hiện nay, sử dụng vật tư có hiệu quả là một mục tiêu quan trọng giúp doanh nghiệp hạ giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn lưu động.

Qua thời gian thực tập tại Công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh, nhận thấy được tầm quan trọng của nguyên vật liệu đối với sản xuất và công tác kế toán nguyên vật liệu, em đã lựa chọn đề tài “Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh”.

Ngoài lời mở đầu và kết luận, khoá luận của em có kết cấu như sau:

**Chương 1: Những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

**Chương 2: Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu Công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh.**

**Chương 3: Một số biện pháp hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh**

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu, tìm hiểu để hoàn thành bài khóa luận, song em cũng không thể tránh khỏi những hạn chế nhất định, em mong được sự chỉ bảo tham gia góp ý của các bác trong ban lãnh đạo, các cô chú trong phòng tài chính - kế toán, đặc biệt là sự góp ý của thầy cô giáo giúp em bổ sung và hoàn thiện bài khoá luận đạt kết quả tốt hơn.

# CHƯƠNG 1

## NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

### 1.1. Những vấn đề chung về tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

#### 1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Nguyên vật liệu là một trong những nhân tố cấu thành nên sản phẩm, sau quá trình sản xuất kinh doanh giá trị của nó chuyển dịch hết vào giá trị của sản phẩm. Do đó nguyên vật liệu có vai trò quan trọng trong sản xuất kinh doanh. Đối với những doanh nghiệp xây dựng, thông thường chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng rất lớn khoảng 70% giá trị công trình. Một hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không thể thực hiện được nếu thiếu một trong ba yếu tố: lao động, tư liệu lao động và đối tượng lao động. Trong đó con người với tư cách là chủ thể lao động sử dụng vật liệu lao động và đối tượng lao động để tạo ra của cải vật chất. Để hoạt động sản xuất kinh doanh có thể diễn ra thì phải có nguyên vật liệu, vậy nên quản lý nguyên vật liệu là nhân tố quan trọng của các doanh nghiệp. Tuy nhiên ở mỗi doanh nghiệp khác nhau thì lại có phạm vi, mức độ, phương pháp quản lý khác nhau. Khi kinh tế ngày càng phát triển thì các phương pháp quản lý cũng trở nên hoàn thiện hơn vì vậy các doanh nghiệp phải áp dụng phương pháp quản lý phù hợp với công tác sản xuất của mình nhằm hiệu quả tối ưu nhất.

Kế toán là công cụ phục vụ cho việc quản lý nguyên vật liệu. Nó góp phần kiểm soát, tránh thất thoát, lãng phí nguyên vật liệu ở tất cả các khâu dự trữ, sử dụng, thu hồi... ngoài ra còn đảm bảo cung cấp đầy đủ, kịp thời, đồng bộ các nguyên vật liệu cần thiết cho sản xuất. Kế toán nguyên vật liệu giúp cho lãnh đạo doanh nghiệp nắm được tình hình vật tư để chỉ đạo tiến độ sản xuất. Hạch toán nguyên vật liệu phải đảm bảo chính xác, kịp thời và đầy đủ tình hình thu mua, nhập, xuất, dự trữ vật liệu. Tính chính xác của hạch toán kế toán nguyên vật liệu ảnh hưởng đến tính chính xác của giá thành sản phẩm.

Vì vậy việc tổ chức hạch toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp là rất cần thiết, tạo tiền đề cho việc thực hiện mục tiêu lợi nhuận.

### **1.1.2. Khái niệm và đặc điểm của nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

#### **1.1.2.1. Khái niệm.**

Theo chuẩn mực số 02- Hàng tồn kho (Ban hành theo quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) hàng tồn kho của doanh nghiệp là những tài sản được mua vào để sản xuất hoặc để bán trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường, gồm:

- Hàng mua đang đi trên đường;
- Nguyên liệu, vật liệu; Công cụ, dụng cụ;
- Sản phẩm dở dang;
- Thành phẩm, hàng hoá; hàng gửi bán;
- Hàng hoá được lưu giữ tại kho bảo thuế của doanh nghiệp

Như vậy nguyên liệu, vật liệu là một bộ phận của hàng tồn kho, là một trong những yếu tố cơ bản của quá trình sản xuất kinh doanh, tham gia thường xuyên và trực tiếp vào quá trình sản xuất sản phẩm, ảnh hưởng trực tiếp tới chất lượng của sản phẩm được sản xuất và được thể hiện dưới dạng vật hóa như: hạt nhựa trong doanh nghiệp sản xuất đồ nhựa, vải trong doanh nghiệp may mặc, sắt thép trong doanh nghiệp cơ khí...

#### **1.1.2.2. Đặc điểm.**

Thứ nhất, về mặt vốn: Nguyên vật liệu là thành phần quan trọng của vốn lưu động, đặc biệt là vốn dự trữ của doanh nghiệp. Để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, doanh nghiệp cần phải tăng tốc luân chuyển vốn lưu động và điều đó không thể tách rời việc dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, hợp lý nhất.

Thứ hai, về mặt giá trị: Khác với tư liệu lao động, khi tham gia vào quá trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, nguyên vật liệu bị tiêu hao toàn bộ, không giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu và chuyển dịch toàn bộ giá trị một lần vào chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất.

### **1.1.3. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

#### **1.1.3.1. Yêu cầu quản lý.**

Xuất phát từ vị trí đặc điểm của vật liệu trong quá trình sản xuất kinh doanh, để quá trình sản xuất kinh doanh diễn ra một cách liên tục thì phải đảm bảo cung cấp nguyên vật liệu kịp thời về mặt số lượng, chất lượng cũng như chủng loại vật liệu do nhu cầu sản xuất ngày càng phát triển đòi hỏi vật liệu ngày càng nhiều để đáp ứng nhu cầu sản xuất sản phẩm và kinh doanh có lãi là mục tiêu của doanh nghiệp hướng tới. Vì vậy, quản lý tốt ở khâu thu mua, dự trữ và sử dụng nguyên vật liệu là điều kiện cần thiết để đảm bảo chất lượng sản phẩm, tiết kiệm chi phí, giá thành giảm, tăng lợi nhuận của doanh nghiệp.

Nguyên vật liệu là tài sản dự trữ cho sản xuất thường xuyên biến động. Do vậy, các doanh nghiệp cần giám sát chặt chẽ quá trình thu mua, bảo quản và sử dụng vật liệu một cách có hiệu quả.

Trong khâu thu mua: đảm bảo cung cấp đầy đủ kịp thời nguyên vật liệu cho sản xuất sản phẩm về mặt số lượng, chủng loại, chất lượng, giá cả hợp lý phản ánh đầy đủ chính xác giá thực tế của vật liệu.

Trong khâu dự trữ và bảo quản: Doanh nghiệp phải tổ chức hệ thống kho tàng hợp lý, đúng chế độ bảo quản với từng loại vật liệu để tránh hư hỏng, thất thoát, mất phẩm chất ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Trong khâu sử dụng: Sử dụng vật liệu theo đúng định mức tiêu hao, đúng chủng loại vật liệu, nhằm phát huy hiệu quả sử dụng vật liệu, nâng cao chất lượng sản phẩm, chi phí vật liệu trong giá thành sản phẩm vì đòi hỏi tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh tình hình xuất vật liệu. Tính toán phân bổ chính xác cho từng đối tượng sử dụng theo phương pháp thích hợp, cung cấp số liệu kịp thời chính xác cho công tác tính giá sản phẩm. Đồng thời thường xuyên hoặc định kỳ phân tích tình hình thu mua, bảo quản dự trữ và sử dụng vật liệu, trên cơ sở đề ra những biện pháp cần thiết cho việc quản lý ở từng khâu, nhằm giảm mức tiêu hao vật liệu trong sản xuất sản phẩm, là cơ sở để tăng thêm sản phẩm cho xã hội.

#### **1.1.3.2. Nhiệm vụ kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Để đáp ứng yêu cầu quản lý kế toán trong doanh nghiệp cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ứng chính xác kịp thời và kiểm tra chặt chẽ tình hình cung cấp nguyên vật liệu trên các mặt: số lượng, chất lượng, chủng loại và thời gian cung cấp.
- Tính toán và phân bổ chính xác kịp thời giá trị nguyên vật liệu xuất dùng cho các đối tượng khác nhau, kiểm tra chặt chẽ việc thực hiện định mức tiêu hao vật tư, phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp sử dụng vật tư sai mục đích, lãng phí.
- Thực hiện việc kiểm kê nguyên vật liệu theo yêu cầu quản lý, lập các báo cáo về tình hình sử dụng nguyên vật liệu, tham gia công tác phân tích việc thực hiện kế hoạch thu mua, dự trữ, sử dụng nguyên vật liệu.

### **1.1.4. Phân loại và tính giá nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

#### **1.1.4.1. Phân loại nguyên vật liệu.**

Để đảm bảo cho quá trình quản lý và sử dụng có hiệu quả thì việc phân loại nguyên vật liệu là rất cần thiết bởi mỗi cách phân loại khác nhau sẽ có ý nghĩa khác nhau cho người quản lý và sử dụng.

Trong doanh nghiệp, để tiến hành sản xuất thì cần rất nhiều loại nguyên vật liệu. Việc phân loại nguyên vật liệu có cơ sở khoa học hợp lý là điều kiện để có thể quản lý một cách chặt chẽ và tổ chức hạch toán chi tiết phục vụ cho công tác quản lý trong doanh nghiệp.

Phân loại theo *vai trò và công dụng chủ yếu* của nguyên vật liệu

- *Nguyên liệu, vật liệu chính*: Là đối tượng chủ yếu cấu thành lên thực thể của sản phẩm.
- *Vật liệu phụ*: Là những loại vật liệu khi tham gia vào quá trình sản xuất, không cấu thành thực thể chính của sản phẩm nhưng có thể kết hợp với vật liệu chính làm thay đổi màu sắc, mùi vị, hình dáng bề ngoài, tăng thêm chất lượng của sản phẩm hoặc tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm được thực hiện bình thường, hoặc phục vụ cho nhu cầu công nghệ, kỹ thuật, bảo quản đóng gói; phục vụ cho quá trình lao động.
- *Nhiên liệu*: là những thứ có tác dụng cung cấp nhiệt lượng trong quá trình sản xuất kinh doanh tạo điều kiện cho quá trình chế tạo sản phẩm diễn ra bình thường. Nhiên liệu có thể tồn tại ở thể lỏng, thể khí và thể rắn như: xăng, dầu, than, củi, khí, ga....
- *Phụ tùng thay thế*: là những loại phụ tùng, chi tiết được sử dụng để thay thế, sửa chữa những máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công cụ, dụng cụ sản xuất....



- *Vật liệu và thiết bị xây dựng cơ bản*: Là những loại vật liệu và thiết bị được sử dụng cho công việc xây dựng cơ bản. Đối với thiết bị xây dựng cơ bản bao gồm cả thiết bị cần lắp, không cần lắp, công cụ, khí cụ và vật kết cấu dùng để lắp đặt vào công trình xây dựng cơ bản.

- *Vật liệu khác*: bao gồm những loại vật liệu chưa được sắp xếp vào các loại trên, những phế liệu được loại ra từ quá trình sản xuất, hoặc thu hồi từ thanh lý tài sản. Căn cứ vào nguồn hình thành, nguyên vật liệu được chia thành:

- Nguyên vật liệu nhập từ bên ngoài: Do doanh nghiệp mua, nhận góp vốn liên doanh, nhận biếu tặng, được cấp...

- Nguyên vật liệu tự chế: Do doanh nghiệp tự sản xuất phục vụ cho nhu cầu sản xuất của mình. Căn cứ vào mục đích, công dụng, nguyên vật liệu chia thành:

- Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích sản xuất: Là những nguyên vật liệu trực tiếp phục vụ cho quá trình sản xuất, chế tạo sản phẩm.

- Nguyên vật liệu sử dụng cho mục đích khác: Như nguyên vật liệu sản xuất chung, cho quản lý doanh nghiệp, nguyên vật liệu đem đi góp vốn.

### **1.1.4.2. Tính giá nguyên vật liệu.**

\* Giá thực tế của nguyên vật liệu nhập kho

Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho được thực hiện theo nguyên tắc giá gốc quy định trong chuẩn mực “Hàng tồn kho”. Nội dung giá gốc của nguyên liệu, vật liệu được xác định tùy theo từng nguồn nhập.

\* **Đối với nguyên vật liệu do doanh nghiệp mua ngoài (mua trong nước hoặc nước ngoài).**

$$\begin{array}{l} \text{Giá thực tế} \\ \text{NVL nhập} \\ \text{kho} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá mua ghi} \\ \text{trên hóa đơn} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua thực tế} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các khoản thuế} \\ \text{không được} \\ \text{hoàn lại} \end{array} = \begin{array}{l} \text{CKTM,} \\ \text{giảm giá} \\ \text{hàng mua} \end{array}$$

Trong đó:

+ Giá mua là giá không có thuế GTGT nếu NVL và CCDC mua về dùng để sản xuất các mặt hàng chịu thuế GTGT và DN nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Giá mua là giá có thuế GTGT và nếu NVL và CCDC mua về sử dụng vào việc sản xuất các mặt hàng không chịu thuế GTGT hoặc với DN nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp.

## Khóa luận tốt nghiệp

---

+ Chi phí thu mua thực tế gồm: chi phí vận chuyển bốc dỡ, bảo quản, phân loại, bảo hiểm NVL từ nơi mua đến kho của DN, công tác phí của nhân viên thu mua, chi phí cho bộ phận thu mua độc lập hao hụt tự nhiên trong định mức.

### **\*Đối với nguyên vật liệu thuê ngoài gia công chế biến:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{của NVL thuê} \\ \text{ngoài gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế của} \\ \text{NVL xuất thuê} \\ \text{ngoài gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí thuê} \\ \text{ngoài gia công} \\ \text{chế biến} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận} \\ \text{chuyển, bốc xếp,} \\ \text{bảo quản (nếu có)} \end{array}$$

### **\*Đối với nguyên vật liệu tự chế:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế} \\ \text{của NVL tự chế} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá thành sản xuất} \\ \text{NVL} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

### **\*Đối với nguyên vật liệu được cấp:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế của} \\ \text{NVL được cấp} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá theo biên bản} \\ \text{giao nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển,} \\ \text{bốc xếp, bảo quản} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

### **\*Đối với nguyên vật liệu nhận vốn góp liên doanh:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế của} \\ \text{NVL nhận vốn góp} \\ \text{liên doanh} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị vốn góp do} \\ \text{HĐLD đánh giá} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí vận chuyển, bốc} \\ \text{xếp, bảo quản (nếu có)} \end{array}$$

### **\*Đối với nguyên vật liệu được biếu tặng, viện trợ:**

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị thực tế của} \\ \text{NVL được biếu} \\ \text{tặng, viện trợ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị tại thời} \\ \text{điểm nhận} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Các chi phí khác} \\ \text{phát sinh} \end{array}$$

### **\*Đối với phế liệu thu hồi từ sản xuất:**

$$\text{Giá trị thực tế của phế liệu thu hồi} = \text{Giá có thể sử dụng lại hoặc có thể bán}$$

### **\*Tính giá thực tế nguyên vật liệu xuất kho.**

Việc lựa chọn phương pháp tính giá xuất kho phải căn cứ vào đặc điểm của từng doanh nghiệp về số lượng danh điểm, số lần nhập xuất hàng tồn kho, trình độ của nhân viên kế toán, thủ kho, điều kiện kho tàng của doanh nghiệp.

Để tính giá trị xuất của hàng hóa tồn kho, kế toán có thể áp dụng một trong các phương pháp sau:

**\* Phương pháp giá thực tế đích danh:**

Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng thứ hàng hoá mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng cho các doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh có ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận diện được thì mới có thể áp dụng được phương pháp này. Còn đối với những doanh nghiệp có nhiều loại hàng thì không thể áp dụng được phương pháp này.

**\* Phương pháp bình quân gia quyền .**

- Theo phương pháp này, trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho được tính căn cứ vào số lượng nguyên vật liệu xuất kho và đơn giá tính bình quân. Phương pháp này thường được áp dụng trong các doanh nghiệp có tính ổn định về giá cả vật tư hàng hóa khi nhập, xuất kho.

**Công thức tính:**

$$\text{Giá thực tế của vật liệu xuất kho} = \frac{\text{Số lượng thực tế xuất kho}}{\text{Đơn giá thực tế bình quân}}$$

**✓ Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.**

Theo phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá nhập, lượng hàng tồn kho đầu kỳ và nhập trong kỳ để tính giá đơn vị bình quân.

$$\text{Đơn giá bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế vật liệu tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá thực tế vật liệu nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn đầu kỳ} + \text{Số lượng vật liệu nhập trong kỳ}}$$

## Khóa luận tốt nghiệp

---

- Ưu điểm: Đơn giản, dễ làm, chỉ cần tính toán một lần vào cuối kỳ.
  - Nhược điểm: Độ chính xác không cao, hơn nữa, công việc tính toán dồn vào cuối tháng gây ảnh hưởng đến tiến độ của các phần hành khác. Ngoài ra, phương pháp này chưa đáp ứng yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ.
- ✓ **Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn (bình quân sau mỗi lần nhập)**

Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập nguyên vật liệu, kế toán tính đơn giá bình quân sau đó căn cứ vào đơn giá bình quân và số lượng vật liệu xuất để tính giá trị vật liệu xuất.

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình quân} \\ \text{sau lần nhập } j \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá NVL tồn} \\ \text{trước lần nhập } j \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá NVL nhập lần } j \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng NVL tồn trước} \\ \text{lần nhập } j \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng NVL nhập lần } j \end{array}}$$

Phương pháp này có ưu điểm là khắc phục được những hạn chế của phương pháp trên nhưng việc tính toán phức tạp, nhiều lần, tốn nhiều công sức. Do đặc điểm trên mà phương pháp này được áp dụng ở các doanh nghiệp có ít chủng loại hàng tồn kho, có lưu lượng nhập xuất ít.

### \* Phương pháp nhập trước – xuất trước (FIFO).

Phương pháp này dựa trên giả định hàng nào nhập trước sẽ được xuất ra trước và đơn giá của hàng nhập trước sẽ được dùng làm đơn giá để tính cho hàng xuất trước. Trị giá hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo đơn giá của những lần nhập sau cùng.

Với phương pháp này, việc tính toán đơn giản, dễ làm và tương đối hợp lý. Song khối lượng tính toán nhiều, phụ thuộc và xu thế giá cả thị trường, phù hợp với doanh nghiệp ít danh điểm nguyên vật liệu.

### \* Phương pháp giá bán lẻ.

Đây là phương pháp mới bổ sung theo thông tư 200.

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự).

Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn. Khi bán hàng, các siêu thị không thể tính ngay giá vốn của hàng bán vì chủng loại và số lượng các mặt hàng bán ra hàng ngày rất nhiều, lượng khách hàng đông. Vì vậy, các siêu thị thường xây dựng một tỷ lệ lợi nhuận biên trên giá vốn hàng mua vào để xác định ra giá bán hàng hóa (tức là doanh thu). Sau đó, căn cứ doanh số bán ra và tỷ lệ lợi nhuận biên, siêu thị sẽ xác định giá vốn hàng đã bán và giá trị hàng còn tồn kho.

Ngành kinh doanh bán lẻ như hệ thống các siêu thị đang phát triển mạnh mẽ. Mặc dù chuẩn mực Việt Nam chưa có quy định cách tính giá gốc hàng tồn kho theo phương pháp bán lẻ nhưng thực tế các siêu thị vẫn áp dụng vì các phương pháp khác đã quy định trong Chuẩn mực không phù hợp để tính giá trị hàng tồn kho và giá vốn hàng bán của siêu thị. Việc bổ sung quy định này là phù hợp với thực tiễn kinh doanh bán lẻ tại Việt Nam và phù hợp với thông lệ quốc tế. Các thông tin về doanh số của siêu thị được xác định hàng ngày sẽ là căn cứ để xác định giá vốn và giá trị hàng tồn kho của siêu thị.

**Doanh nghiệp lựa chọn phương pháp tính giá nào thì phải đảm bảo tính nhất quán trong cả niên độ kế toán.**

### **1.2. Tổ chức kế toán chi tiết nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Kế toán nguyên vật liệu là việc theo dõi, ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng thiết bị nguyên vật liệu sử dụng trong quá trình sản xuất kinh doanh nhằm cung cấp thông tin chi tiết để quản lý từng danh điểm vật tư. Trong

thực tế công tác kế toán hiện nay ở nước ta nói chung và các doanh nghiệp công nghiệp nói riêng đang áp dụng một trong ba phương pháp hạch toán chi tiết nguyên vật liệu như sau: Phương pháp thẻ song song, phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển, phương pháp sổ số dư.

### **1.2.1. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song.**

- Tại kho: Trong kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn kho của từng thứ vật liệu ở từng ngày kho theo chỉ tiêu số lượng.

Hàng ngày thủ kho căn cứ vào các phiếu nhập, xuất kho để ghi chép vào các thẻ kho, cuối ngày tính số tồn kho được ghi trên thẻ kho và gửi phiếu nhập, xuất kho cho kế toán. Thẻ kho được sử dụng để theo dõi, ghi chép số hiện có và tình hình biến động của từng vật liệu theo từng kho về số lượng.

- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu cả về mặt hiện vật và giá trị.  
Hàng

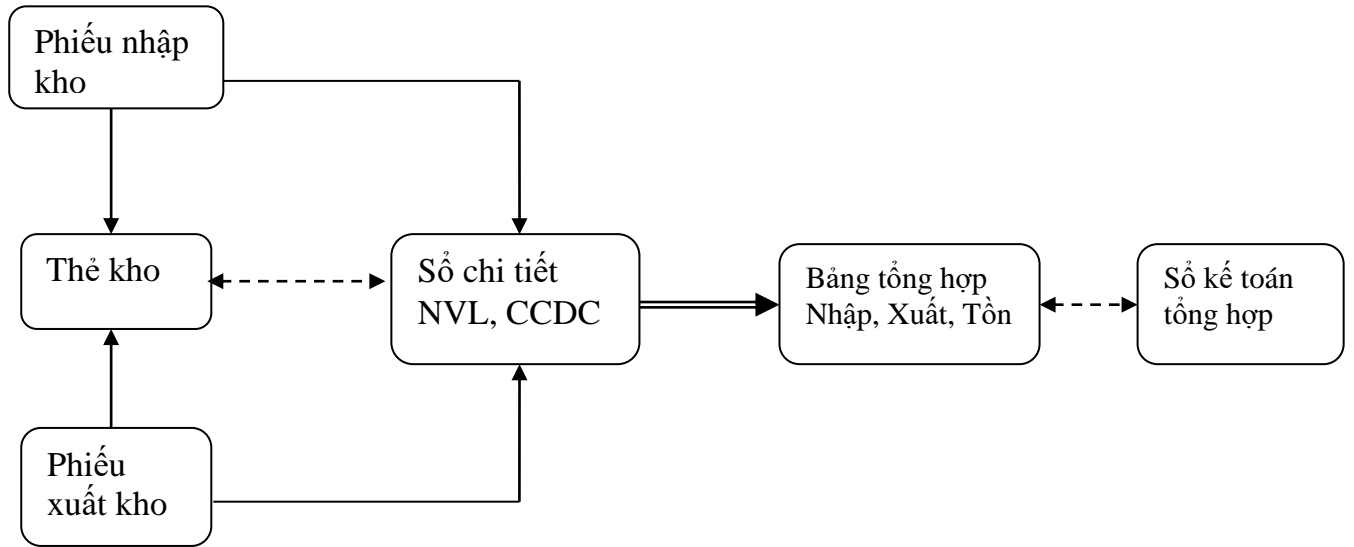
ngày hoặc định kỳ sau khi nhận các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho chuyển lên, kế toán kiểm tra và ghi vào sổ chi tiết hàng hóa vật tư theo từng loại mặt hàng về số lượng, giá trị.

- Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và chi tiết, kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

+ Ưu điểm: Việc ghi chép đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu số lượng.

+ Nhược điểm: Việc ghi chép giữa thủ kho và kế toán còn trùng lặp về chỉ tiêu số lượng. Hơn nữa, việc kiểm tra đối chiếu tiến hành vào cuối tháng làm hạn chế chức năng kiểm tra kịp thời của kế toán.

+ Phạm vi áp dụng: Phương pháp này áp dụng thích hợp trong các doanh nghiệp ít chủng loại vật liệu, số lượng các nghiệp vụ nhập, xuất ít, không thường xuyên và trình độ chuyên môn của cán bộ còn hạn chế.



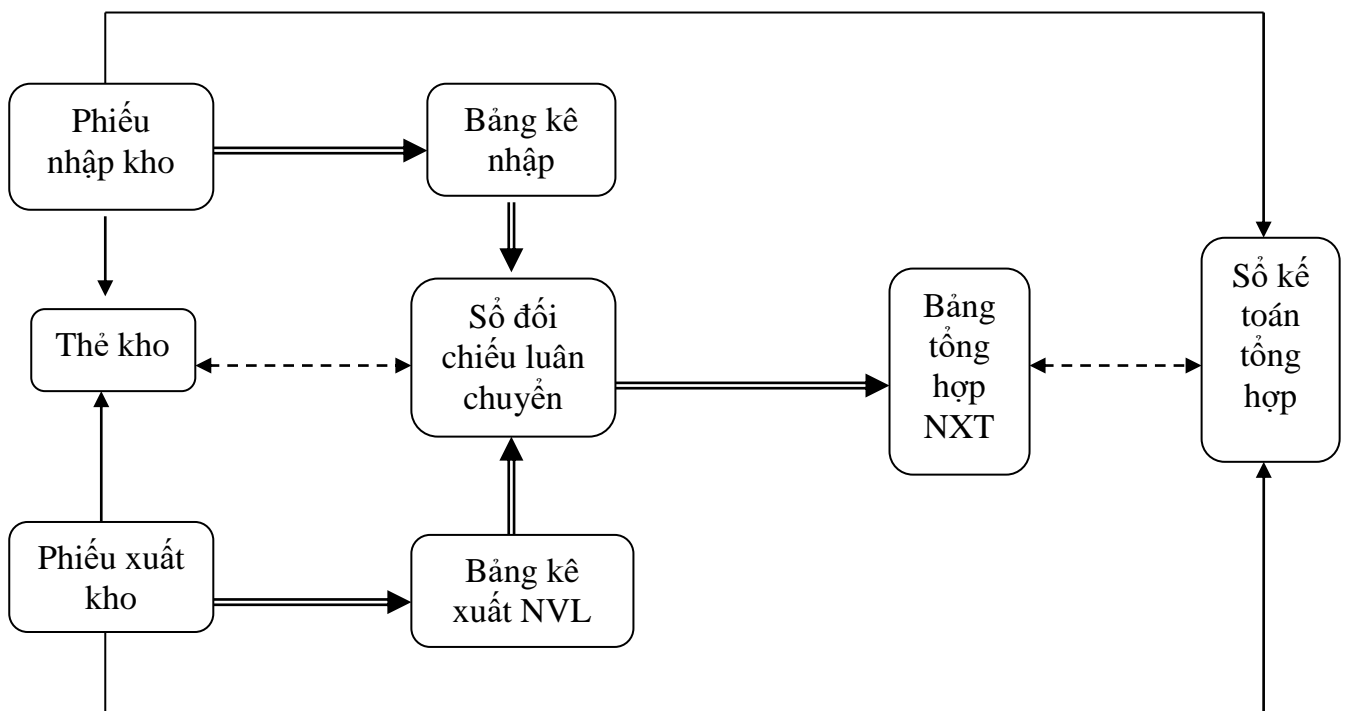
**Sơ đồ 1.1: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song**

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra



**1.2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển.**



**Sơ đồ 1.2: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ đối chiếu luân chuyển**

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

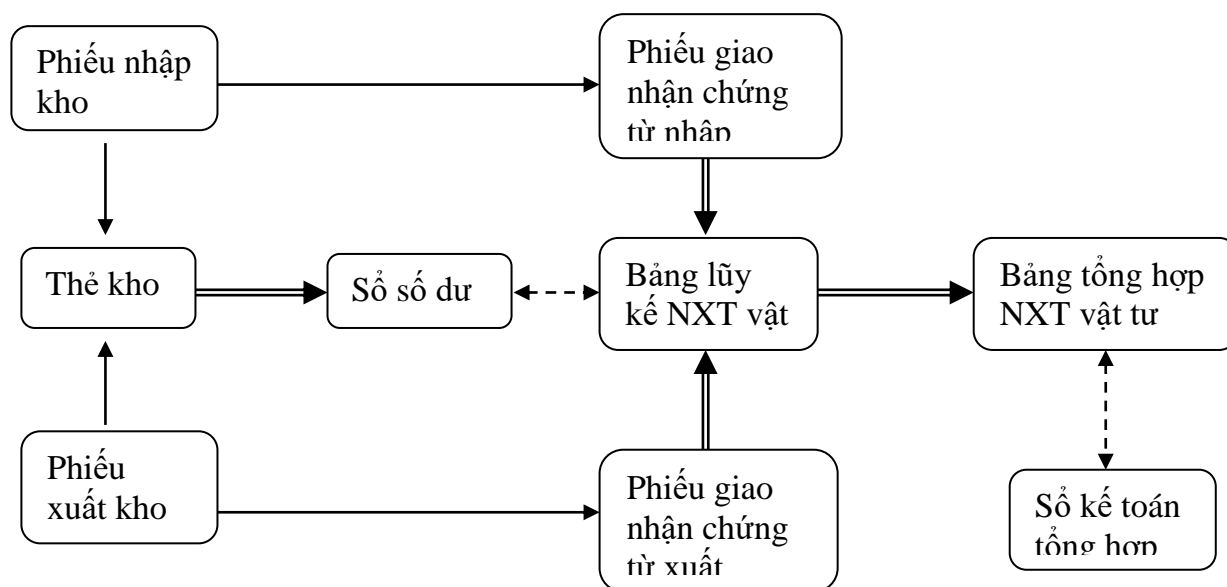
- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tương tự như phương pháp thê song song.
- Tại phòng kế toán: Kế toán mở sổ đối chiếu luân chuyển nguyên vật liệu theo từng kho. Cuối tháng trên cơ sở phân loại chứng từ nhập – xuất nguyên vật liệu theo từng danh điểm và theo từng kho kế toán lập bảng kê nhập, xuất nguyên vật liệu và dựa vào bảng kê này để ghi vào sổ đối chiếu luân chuyển. Khi nhận được thẻ kho, kế toán tiến hành đối chiếu tổng lượng nhập – xuất của từng thẻ kho với sổ đối chiếu luân chuyển. Đồng thời từ sổ đối chiếu luân chuyển lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu để đối chiếu với số liệu trong sổ kế toán tổng hợp.



- + Ưu điểm: Phương pháp này dễ làm, do chỉ ghi một lần vào cuối tháng nên giảm bớt được khối lượng công việc ghi chép cho kế toán.
- + Nhược điểm: Việc ghi chép còn trùng lặp giữa kho và phòng kế toán về chỉ tiêu hiện vật, việc kiểm tra đối chiếu giữa thu kho và phòng kế toán cũng tiến hành vào cuối tháng nên hạn chế tác dụng kiểm tra.
- + Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong các doanh nghiệp có khối lượng nghiệp vụ nhập – xuất không nhiều, không bố trí riêng kế toán chi tiết vật liệu nên không có điều kiện ghi chép theo dõi hàng ngày.

### **1.2.3. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.**

- Tại kho: Thủ kho sử dụng thẻ kho để ghi chép tình hình nhập, xuất, tồn. Cuối tháng, thủ kho còn phải ghi số lượng tồn kho trên thẻ kho vào sổ số dư.
- Tại phòng kế toán: Định kỳ 5 đến 10 ngày, kế toán nhận chứng từ → do thủ kho chuyển đến (kèm theo phiếu giao nhận chứng từ). Căn cứ vào đó, kế toán lập bảng lũy kế nhập, xuất, tồn. Từ bảng lũy kế nhập, xuất, tồn, kế toán lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu để đối chiếu với sổ kế toán tổng hợp.
- + Ưu điểm: Hiệu suất công tác cao, tránh được sự ghi chép trùng lặp giữa thủ kho và phòng kế toán, giảm bớt khối lượng ghi chép kế toán, việc kiểm tra ghi chép của thủ kho được tiến hành thường xuyên, đảm bảo được chính xác và kịp thời.
- + Nhược điểm: Do kế toán chỉ theo dõi về mặt giá trị nên muốn biết tình hình tăng giảm của từng vật liệu về mặt số lượng, nhiều khi phải xem số lượng trên thẻ kho. Hơn nữa, việc kiểm tra, phát hiện sai sót nhầm lẫn giữa thủ kho và phòng kế toán gặp khó khăn.
- + Phạm vi áp dụng: Phương pháp này thích hợp trong các doanh nghiệp sản xuất có khối lượng nghiệp vụ nhập – xuất nhiều, thường xuyên, nhiều chủng loại vật liệu và với điều kiện doanh nghiệp sử dụng giá hạch toán để hạch toán nhập, xuất, trình độ chuyên môn của cán bộ kế toán là tương đối cao.



**Sơ đồ 1.3: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp sổ số dư.**

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ cuối tháng
- ←-----> Đối chiếu, kiểm tra

### **1.3. Tổ chức kế toán tổng hợp nguyên vật liệu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.**

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép sự biến động về mặt giá trị của nguyên vật liệu trên các sổ sách kế toán tổng hợp. Trong hệ thống kế toán hiện hành nguyên vật liệu thuộc nhóm hàng tồn kho nên kế toán áp dụng tổng hợp nguyên vật liệu có thể tiến hành theo một trong hai phương pháp sau:

- Phương pháp kế toán kê khai thường xuyên
- Phương pháp kiểm kê định kỳ.

Việc sử dụng phương pháp nào là tùy thuộc vào doanh nghiệp và yêu cầu của công việc quản lý, trình độ của cán bộ kế toán cũng như các quy định của chế độ kế toán hiện hành

### **1.3.1. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

Phương pháp kê khai thường xuyên là phương pháp kế toán theo dõi và phản ánh tình hình hiện có, biến động tăng giảm hàng tồn kho một cách thường xuyên liên tục trên các tài khoản kế toán hàng tồn kho.

Phương pháp này được sử dụng phổ biến ở nước ta vì những tiện ích của nó như: độ chính xác cao, cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời cập nhật.

Theo phương pháp này, kế toán có thể theo dõi số lượng nhập xuất tồn kho của từng loại nguyên vật liệu và trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho trên tài khoản sổ kế toán được xác định ở bất cứ thời điểm nào trong toán. Cuối kỳ kế toán, căn cứ vào số liệu kiểm kê thực tế, kế toán nguyên vật liệu so sánh và đối chiếu với số liệu nguyên vật liệu trên sổ kế toán. Nếu có chênh lệch phải tìm nguyên nhân và có giải pháp xử lý kịp thời.

Phương pháp kê khai thường xuyên áp dụng cho các đơn vị sản xuất, xây lắp... và các đơn vị thường xuyên kinh doanh các mặt hàng có giá trị lớn như máy móc, thiết bị...

+ Ưu điểm: Phương pháp này có độ chính xác cao và cung cấp thông tin về hàng tồn kho một cách kịp thời, tại bất kỳ thời điểm nào kế toán cũng có thể xác định được lượng nhập, xuất, tồn kho từng loại hàng tồn kho.

+ Nhược điểm: Phương pháp này tốn nhiều công tính toán.

#### **1.3.1.1 Chứng từ sử dụng:**

- Phiếu nhập kho.
- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn GTGT.
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư.
- Phiếu đề nghị xuất vật tư.
- .....

#### **1.3.1.2. Tài khoản sử dụng.**

❖ Tài khoản 152 – Nguyên liệu, vật liệu

Tài khoản này dùng để theo dõi giá trị hiện có, biến động tăng giảm của các loại nguyên vật liệu theo giá thực tế.

Kết cấu tài khoản:

#### **Bên Nợ:**

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập kho do mua ngoài, tự chế, thuê ngoài gia công, chế biến, nhận góp vốn hoặc từ các nguồn khác.

## Khóa luận tốt nghiệp

---

- Trị giá nguyên liệu, vật liệu thừa phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

### **Bên Có:**

- Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho dùng vào sản xuất, kinh doanh, để bán, thuê ngoài gia công chế biến, hoặc đưa đi góp vốn.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu trả lại người bán hoặc được giảm giá hàng mua.
- Chiết khấu thương mại nguyên liệu, vật liệu khi mua được hưởng.
- Trị giá nguyên liệu, vật liệu hao hụt, mất mát phát hiện khi kiểm kê.
- Kết chuyển trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

### **Số dư bên Nợ:**

Trị giá thực tế của nguyên liệu, vật liệu tồn kho cuối kỳ.

- ❖ Tài khoản 151 - Hàng mua đang đi đường.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các loại nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán cuối kỳ chưa về nhập kho.

Kết cấu tài khoản:

### **Bên Nợ:**

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường.
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng vật tư mua đang đi đường cuối kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

### **Bên Có:**

- Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường, đã về nhập kho hoặc đã chuyển giao thẳng cho khách hàng.
- Kết chuyển trị giá thực tế của hàng hóa, vật tư đã mua đang đi đường đầu kỳ (trường hợp doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ).

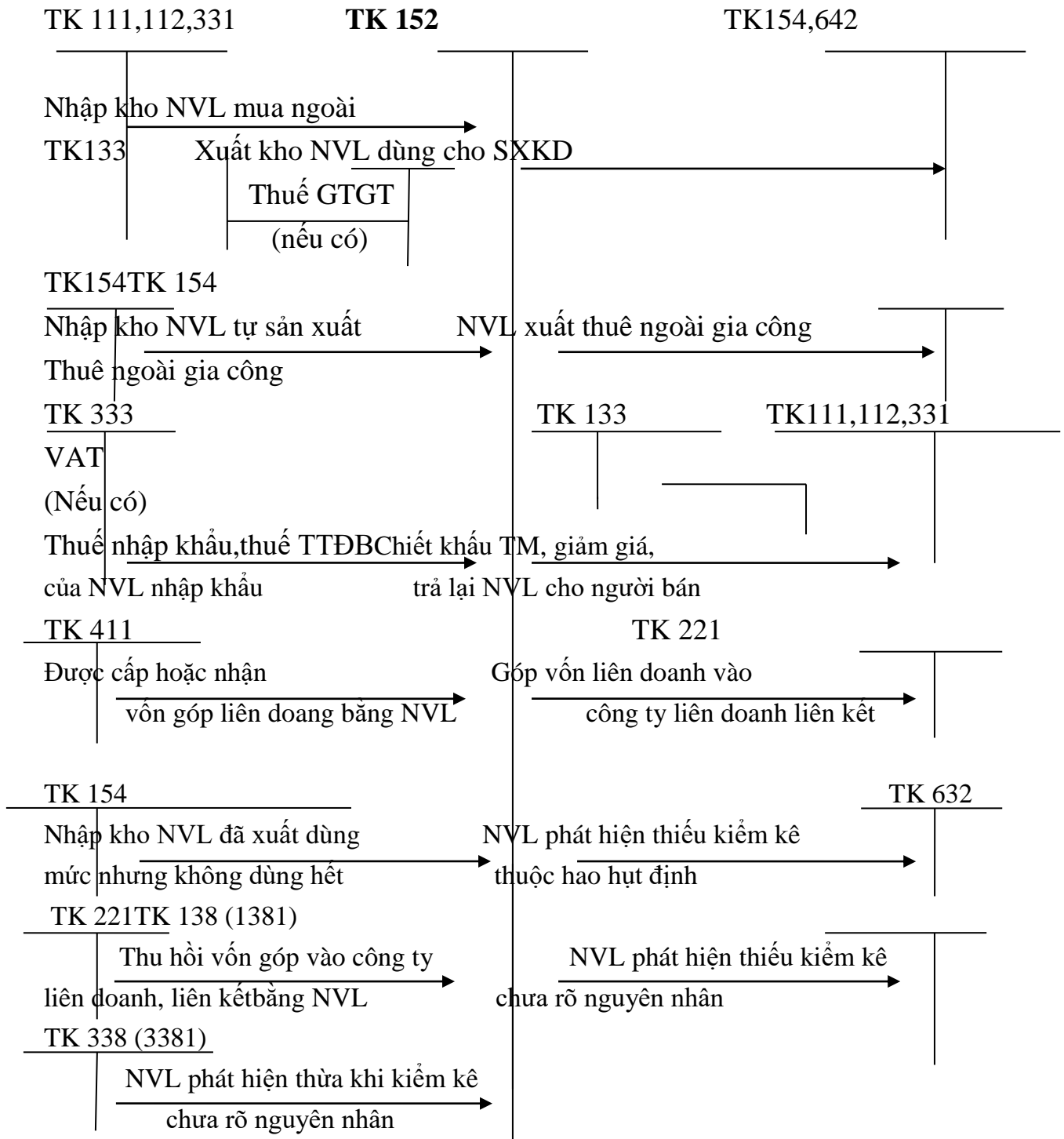
**Số dư bên Nợ:** Trị giá hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa về nhập kho doanh nghiệp).

Ngoài ra, kế toán nguyên vật liệu còn sử dụng một số tài khoản:

- Tài khoản 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”.
- Tài khoản 331 - Phải trả người bán
- Tài khoản 642 - Chi phí quản lý kinh doanh.
- Tài khoản 142 - Chi phí trả trước ngắn hạn.

**1.3.1.3. Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên được thể hiện qua sơ đồ 1.4 như sau:



**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên.**

### 1.3.2. Kế toán tổng hợp nguyên liệu, vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ.

Phương pháp kiểm kê định kỳ là phương pháp kế toán không tổ chức ghi chép một cách thường xuyên liên tục các nghiệp vụ nhập, xuất, tồn kho của nguyên vật liệu trên các tài khoản hàng tồn kho. Các tài khoản này chỉ phản ánh trị giá vốn thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ. Trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu nhập, xuất kho hàng ngày được phản ánh theo dõi trên “Tài khoản mua hàng”. Việc xác định trị giá vốn thực tế của nguyên liệu, vật liệu xuất kho không căn cứ vào các chứng từ xuất kho mà căn cứ vào kết quả kiểm kê cuối kỳ để tính theo công thức sau.

Trị giá thực tế của NVL xuất kho trong kỳ	=	Trị giá thực tế của NVL tồn kho đầu kỳ	+	Trị giá thực tế của NVL nhập trong kỳ	-	Trị giá thực tế của NVL tồn kho cuối kỳ
---	---	--	---	---------------------------------------	---	---

Phương pháp này thường được áp dụng ở những doanh nghiệp có nhiều chủng loại vật tư, hàng hoá với quy cách mẫu mã khác nhau, giá trị thấp và được xuất thường xuyên. Phương pháp kiểm kê định kỳ có ưu điểm là giảm nhẹ khối lượng công việc hạch toán nhưng độ chính xác về vật tư, hàng hoá xuất dùng cho các mục đích khác nhau phụ thuộc vào công tác quản lý tại kho, quầy, bến bãi.

#### 1.3.2.1. Chứng từ sử dụng.

- Phiếu nhập kho.
- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn GTGT.
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư.
- Phiếu đề nghị xuất vật tư.
- .....

#### 1.3.2.2. Tài khoản sử dụng.

❖ Tài khoản 611 “Mua hàng”.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế của số vật liệu mua vào, xuất trong kỳ.

Kết cấu tài khoản:

**Bên nợ:**

## Khóa luận tốt nghiệp

---

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho đầu kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trong kỳ, hàng hóa đã bán trả lại...

### **Bên có:**

- Kết chuyển giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ tồn kho cuối kỳ (Theo kết quả kiểm kê).

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ xuất sử dụng trong kỳ, hoặc giá gốc hàng hóa xuất bán (Chưa được xác định là bán trong kỳ)

- Giá gốc hàng hóa, nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ mua vào trả lại cho người bán, hoặc được giảm giá.

Tài khoản 611 không có số dư cuối kỳ.

### ❖ Tài khoản 152 “Nguyên vật liệu”.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá thực tế nguyên vật liệu tồn kho, chi tiết cho từng loại.

Kết cấu tài khoản:

**Bên nợ:** Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ.

**Bên có:** Kết chuyển giá trị thực tế của nguyên vật liệu tồn kho cuối kỳ

**Số dư bên nợ:** Trị giá thực tế của nguyên vật liệu tồn kho đầu kỳ hoặc cuối kỳ.

### ❖ Tài khoản 151 “Hàng mua đang đi đường”.

Tài khoản này dùng để phản ánh giá trị các nguyên vật liệu mà doanh nghiệp đã mua, đã chấp nhận thanh toán với người bán nhưng cuối kỳ chưa về nhập kho.

**Bên nợ:** Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường cuối kỳ.

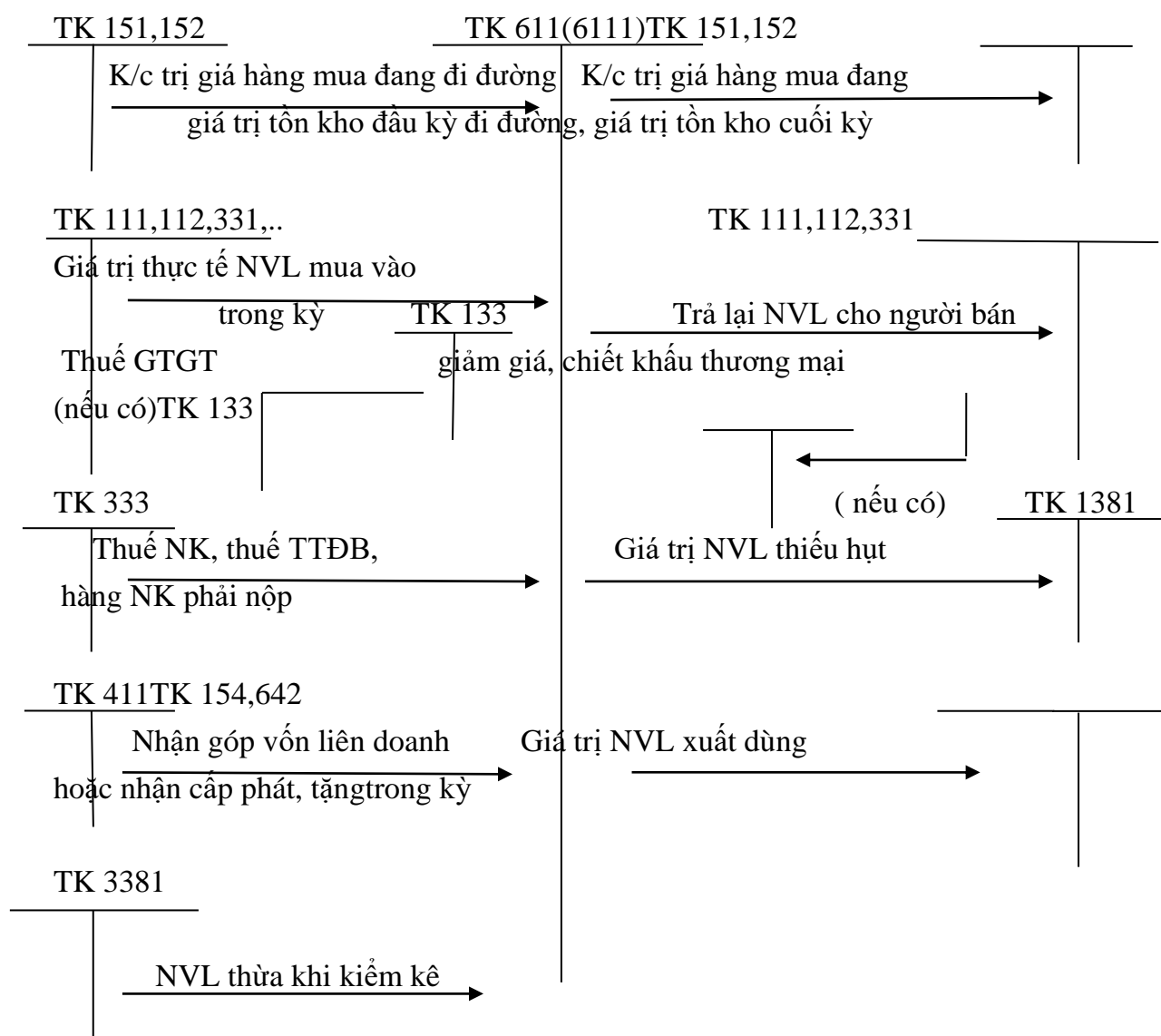
**Bên có:** Kết chuyển giá trị thực tế của hàng hóa, vật tư đang đi đường đầu kỳ.

**Số dư bên nợ:** Giá trị thực tế hàng hóa, vật tư đã mua nhưng còn đang đi đường (chưa nhập kho đơn vị).

\*Ngoài ra, trong quá trình hạch toán kế toán còn sử dụng một số tài khoản khác liên quan như 133,331,111,112...

### **1.3.2.3. Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ được thể hiện qua sơ đồ 1.5 như sau:



**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán nguyên vật liệu theo phương pháp kiểm kê định kỳ**

#### 1.4. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Cuối kỳ kế toán, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho không được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

❖ **Tài khoản sử dụng:** Tài khoản 159 “Các khoản dự phòng”



### **Bên Nợ:**

- + Hoàn nhập số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn kỳ này phải lập nhỏ hơn số đã lập kỳ trước.
- + Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, xóa các khoản nợ phải thu khó đòi
- + giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

### **Bên Có:**

- + Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn (Số cần trích lập lần đầu và số chênh lệch giữa số dự phòng kỳ này phải lập lớn hơn số đã lập cuối kỳ trước).
- + Số dự phòng phải thu khó đòi được lập tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp.
- + Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ

### **Số dư bên Có:**

- + Số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn hiện có đầu hoặc cuối kỳ.
- + Số dự phòng các khoản phải thu khó đòi hiện có đầu hoặc cuối kỳ
- + Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có đầu hoặc cuối kỳ.

*Tài khoản 159 “ Các khoản dự phòng” có 3 tài khoản cấp 3 sau:*

TK 1591 “Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn”

TK 1592 “Dự phòng các khoản phải thu khó đòi”

TK 1593 “Dự phòng giảm giá hàng tồn kho”.

### **❖ Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.**

*Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên ghi:*

Nợ TK632 : Giá vốn hàng bán

Có TK1593 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

*Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:*

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch lớn hơn ghi:

Nợ TK632 : Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

Có TK1593: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn, ghi:

Nợ TK1593 : Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Có TK632: Giá vốn hàng bán (Chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn kho)

### **1.5. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán vào công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.**

#### **1.5.1. Hình thức kế toán nhật ký chung.**

##### **1.5.1.1. Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán nhật ký chung.**

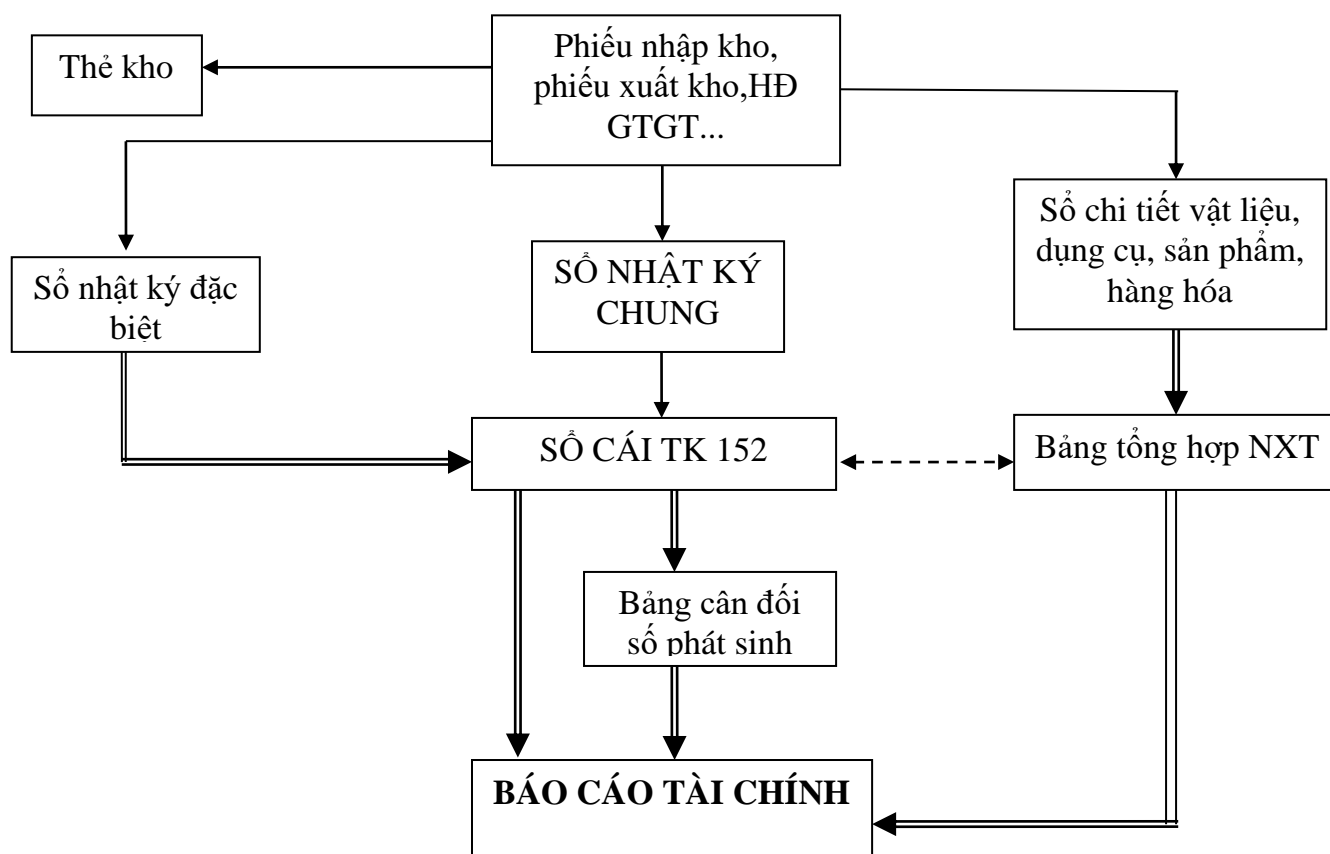
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của các nghiệp vụ. sau đó lấy số liệu trên các sổ nhật ký chung để ghi Sổ cái theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ sau:

- Sổ nhật ký chung, sổ nhật ký đặc biệt.
- Sổ cái.
- Sổ cái các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

##### **1.5.1.2. Trình tự sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.**

a) Hằng ngày căn cứ vào chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi chép trên sổ nhật ký chung để ghi vào sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp.

b) Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên sổ cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1.6. trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ==> Ghi định kỳ cuối tháng
- <---> Đối chiếu, kiểm tra

## 1.5.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

### 1.5.2.1 Đặc cơ bản của hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái gồm các loại sổ kế toán sau:

- Nhật ký - Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

### 1.5.2.2. Trình tự sổ kế toán theo Nhật ký - Sổ cái.

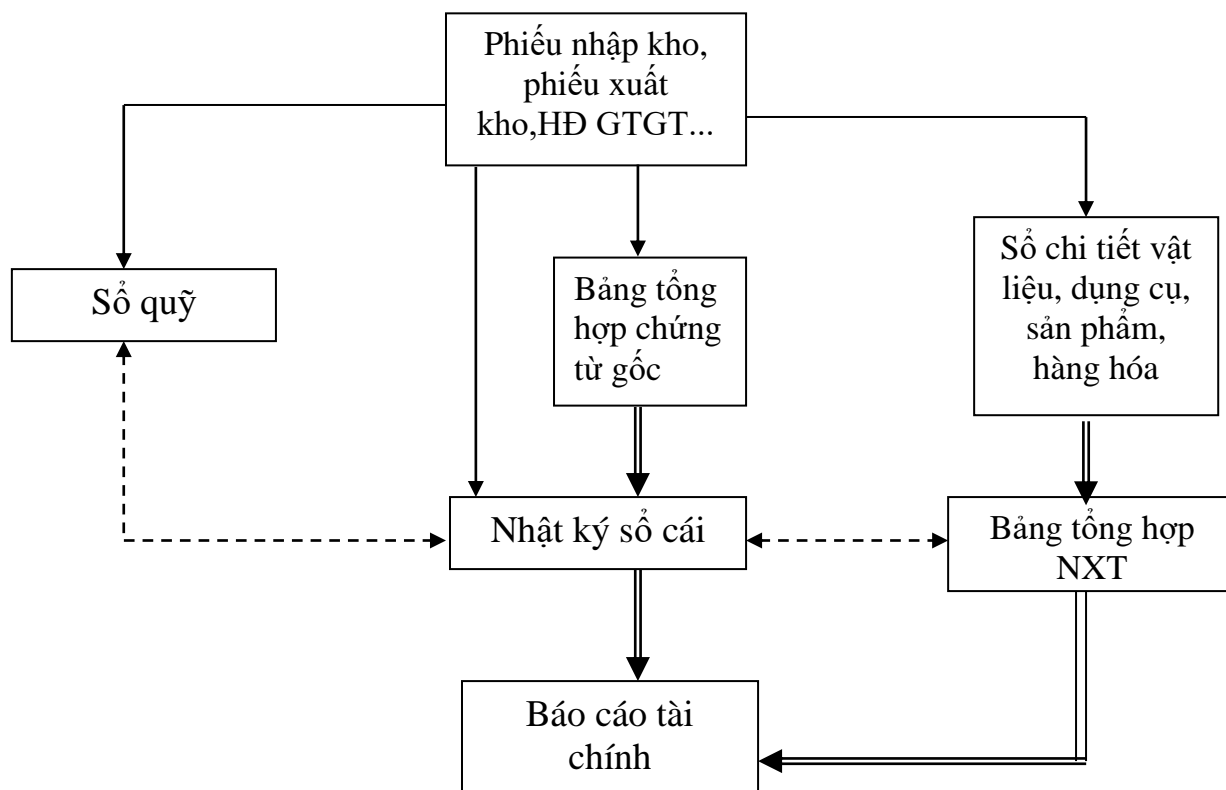
Hàng ngày căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên cùng một dòng ở cả 2 phần Nhật ký và Sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại (Phiếu thu, phiếu chi, phiếu xuất, phiếu nhập...) phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày. Chứng từ kế toán và bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi ghi sổ Nhật ký - Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào Nhật ký - Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu của cột phát sinh ở phần nhật ký và các cột nợ, cột có của từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng (đầu quý) và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng (cuối quý) của từng tài khoản trên Nhật ký - Sổ cái.

Khi kiểm tra, đối chiếu số cộng cuối tháng (cuối quý) trong sổ Nhật ký - Sổ cái phải đảm bảo các yêu cầu sau:

$$\begin{array}{l} \text{Tổng số tiền ở} \\ \text{cột "SPS"} \\ \text{ở phần nhật ký} \\ \text{Tổng số dư Nợ các tài khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng SPS} \\ \text{Nợ của tất cả} \\ \text{các tài khoản} \\ \text{Tổng số dư Có các tài khoản} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng SPS Có} \\ \text{của tất cả các} \\ \text{tài khoản} \end{array}$$

Các sổ, thẻ kế toán chi tiết cũng phải được khóa sổ cộng số phát sinh nợ, số phát sinh có và tính ra số dư cuối tháng của từng đối tượng. căn cứ vào số liệu khóa sổ của các đối tượng lập bảng tổng hợp chi tiết cho từng tài khoản. Số liệu trên bảng tổng hợp chi tiết được đối chiếu với số phát sinh nợ, số phát sinh có và số dư cuối tháng của từng tài khoản trên sổ Nhật ký - Sổ cái. Số liệu trên Nhật ký - Sổ cái và trên bảng tổng hợp chi tiết sau khi khóa sổ được kiểm tra, đối chiếu nếu khớp, đúng sẽ được sử dụng để lập báo cáo tài chính.



Sơ đồ 1.7. trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký - Sổ cái.

Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ cuối tháng
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

### 1.5.3. Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

#### 1.5.3.1. Đặc cơ bản của hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.

Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong sổ đăng ký chứng từ ghi sổ) có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

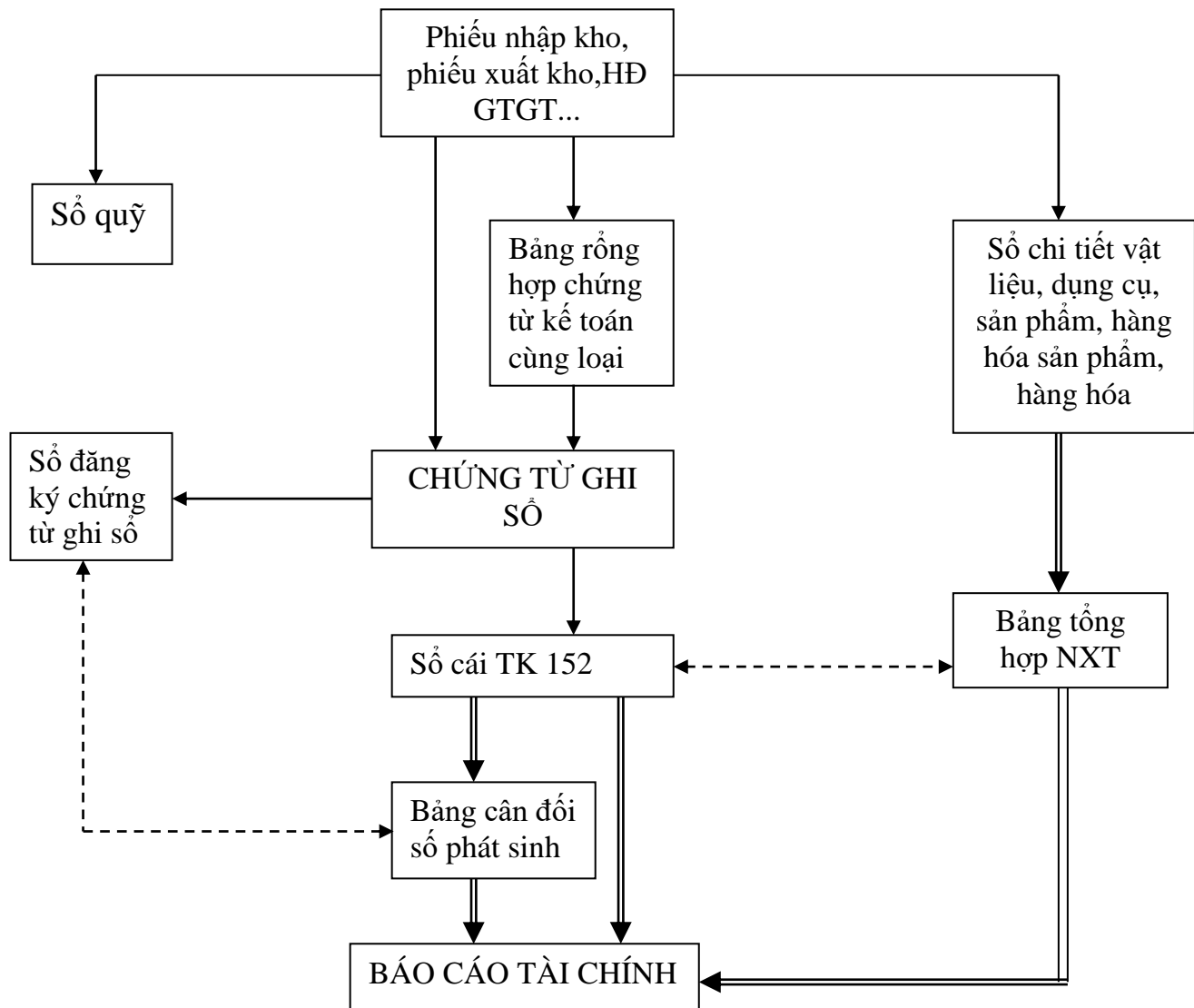
Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau.

- Chứng từ ghi sổ
- Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ.
- Sổ cái.
- Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

### **1.5.3.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.**

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào Đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào Sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập Chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong tháng trên Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra tổng số phát sinh Nợ, tổng số phát sinh Có và số dư của từng tài khoản trên Sổ cái. Căn cứ vào Sổ cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ cái và Bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập Báo cáo tài chính. Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo Tổng số phát sinh Nợ Tổng số phát sinh Có của tất cả các tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số dư có của các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên Bảng tổng hợp chi tiết.



**Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.**

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- =====> Ghi định kỳ cuối tháng
- ←- - - -> Đối chiếu, kiểm tra

#### 1.5.4. Hình thức kế toán trên máy vi tính.

##### 1.5.4.1. Đặc cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính.

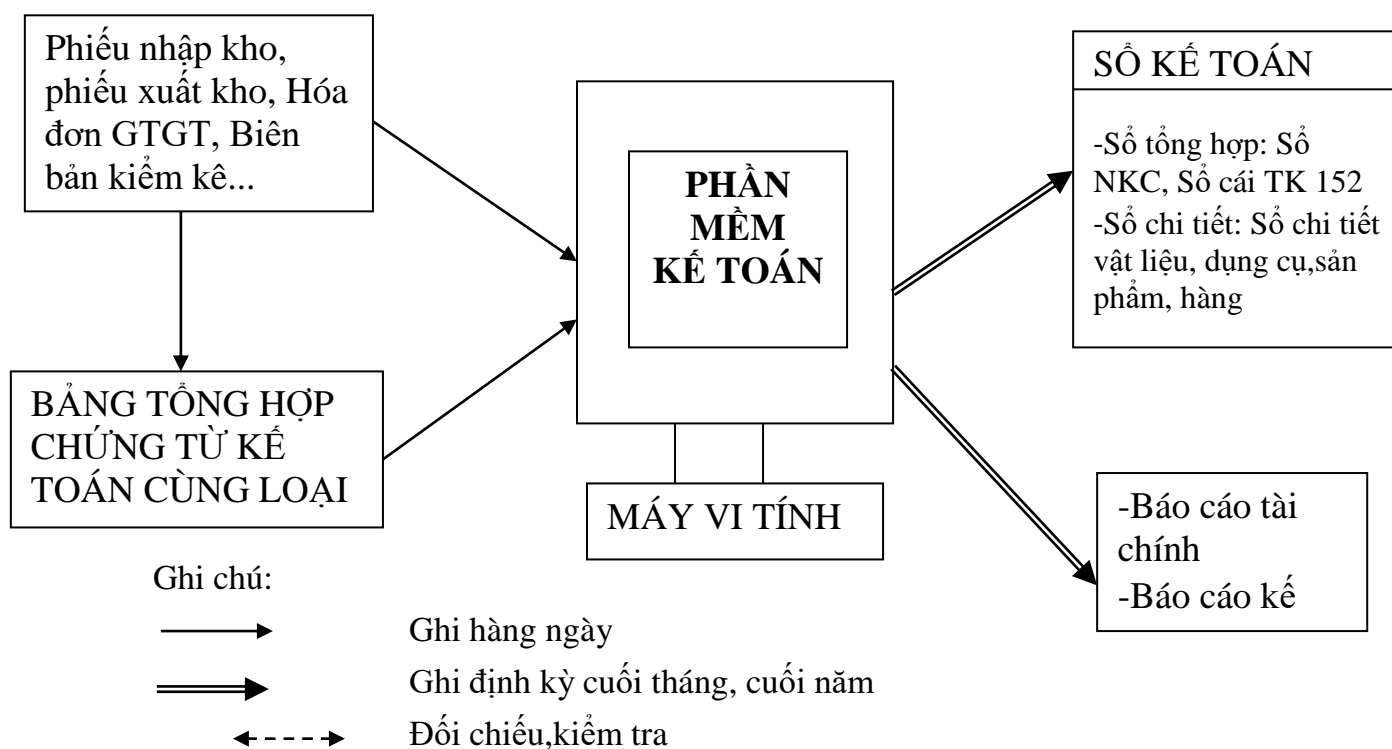
Công việc của kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây.

Phần mềm kế toán không thể hiện đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

### 1.5.4.2. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.

- Hằng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy tính theo các bảng biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động cập nhật vào sổ kế toán tổng hợp ( Sổ nhật ký chung, hay chứng từ ghi sổ...) và các sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

- Cuối tháng (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (Cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa các số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn được đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được cập nhật trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Thực hiện các thao tác tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và được thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.



Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính.



## CHƯƠNG 2

### THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP – CƠ ĐIỆN QUANG MINH

#### 2.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ điện Quang Minh.

##### 2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty

*a. Tên công ty*

Viết bằng tiếng việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP – CƠ ĐIỆN QUANG MINH

Viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG MINH ELECTRICAL ENGINEERING CONSTRUCTION

*b. Địa chỉ trụ sở Công ty*

Số 12/618 Ngô Gia Tự, Phường Thành Tô, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam

Điện thoại: 031.3950735

Fax : 031.3950735

Mã số thuế: 0200894900

Đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 03 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 22 tháng 05 năm 2015

*c. Vốn điều lệ*

Vốn điều lệ: 8.600.000.000

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 86.000

Công ty Cổ phần Xây lắp – cơ điện Quang Minh được thành lập Ngày 17 tháng 03 năm 2009. Là công ty xây dựng chuyên ngành đã từng thi công nhiều công trình công nghiệp, dân dụng, công cộng với quy mô lớn trong Thành phố và các tỉnh lân cận.

Ngoài ra Công ty còn mở rộng sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp các mặt hàng như thiết bị xây dựng, các thiết bị máy móc phục vụ cho ngành xây dựng.

Trên cơ sở những kết quả đã đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty được ngành xây dựng đánh giá là một trong những công ty có tiềm năng xây dựng và phát triển.

Công ty cổ phần Xây lắp – cơ điện Quang Minh là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần. Mặc dù mới hoạt động với thời gian chưa dài nhưng với nỗ lực vươn lên và liên tục hoàn thiện bản thân mình Công ty CP Xây lắp – cơ điện Quang Minh ngày càng trưởng thành và củng cố được thương hiệu trên thị trường.

### **2.1.2. Ngành nghề kinh doanh**

Xây dựng, thương mại, cho thuê máy móc, buôn bán vật tư vật liệu nhỏ lẻ.

### **2.1.3. Loại hình kinh doanh**

\* Các lĩnh vực xây dựng chủ yếu

- Xây dựng nhà các loại.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Xây dựng công trình công ích.
- Chuẩn bị mặt bằng
- Hoàn thiện công trình xây dựng.
- Lắp đặt hệ thống điện.
- Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan.
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác.

### **2.1.4. Những thuận lợi và khó khăn của công ty trong quá trình hoạt động**

Để đứng vững trong cơ chế thị trường Công ty gặp không ít khó khăn nhưng bằng tài năng, trí tuệ, sự năng động trong công việc của tập thể cán bộ công nhân viên và không ngừng đổi mới công nghệ sản xuất, trẻ hóa đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật.

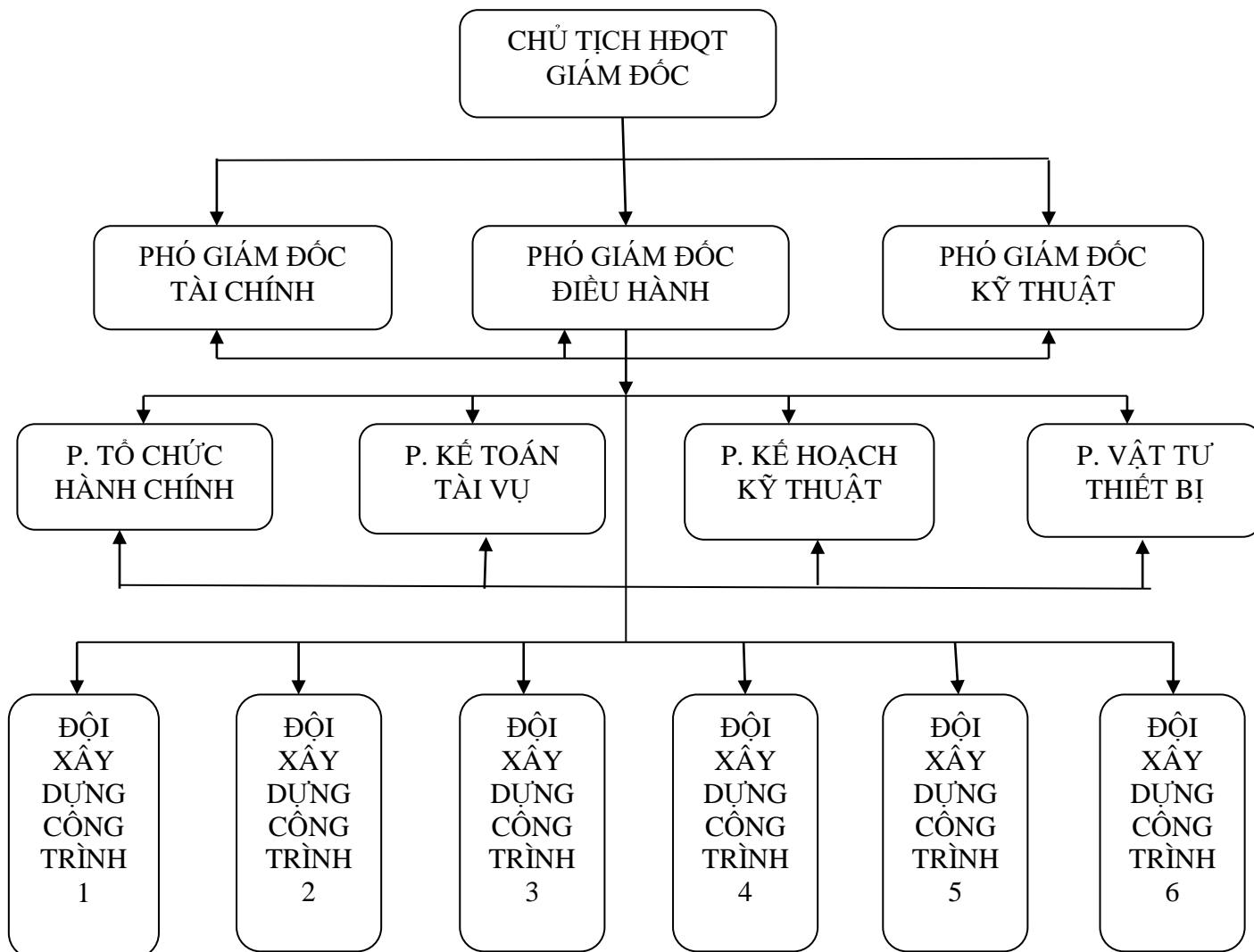
Với bộ máy điều hành năng động, hiệu quả và đội ngũ cán bộ, kỹ sư có năng lực, trình độ chuyên môn cao, công nhân kỹ thuật lành nghề nhiều kinh nghiệm, cùng với sở hữu nhiều trang thiết bị, máy móc hiện đại Công ty luôn phấn đấu cho sự phát triển bền vững, sẵn sàng hòa nhập thị trường xây dựng và xuất nhập khẩu trực tiếp với các nước. Chính vì vậy Công ty được các bạn hàng đánh giá là một Công ty làm ăn có hiệu quả, một bạn hàng đáng tin cậy, một đối tác đầy tiềm năng.

### **2.1.5. Những thành tích cơ bản mà Công ty đã đạt được những năm gần đây**

Công ty Cổ phần Xây lắp – cơ điện Quang Minh đã từng thi công nhiều công trình công nghiệp, dân dụng, công cộng với quy mô lớn trong Thành phố và các tỉnh lân cận như: Lắp dựng nhà thép tiền chế Zamil của Công ty Thép úc SSE, thi công nhà kết cấu thép Sik – V, nhà kho Nissei – Eco, Xây dựng cơ sở hạ tầng và kiến trúc khu quản lý vận hành và sửa chữa Công ty CP Nhiệt Điện HP, thi công các hạng mục nồi hơi và tháp làm lạnh Công ty Xi măng Chinfon, thi công nạo vét, san nền và sản xuất khối xếp cầu tàu cảng xuất nhập đá Công ty Xi măng Hoàng Thạch, thi công một số hạng mục nhà văn phòng, nhà hội trường, hệ thống khuôn viên nhà máy ắc quy Tia Sáng và các công trình giao thông, hạ tầng kỹ thuật như: Thi công hệ thống đường nội bộ, sân bãi, hệ thống cấp thoát nước của Công ty CP nhựa thiếu niên Tiên Phong, hệ thống cấp thoát nước khu công nghiệp Vsip Hải Phòng,...

## 2.1.6. Tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

### 2.1.6.1. Sơ đồ



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

### 2.1.6.2. Chức năng của từng bộ phận

- Chủ tịch HĐQT Giám đốc: là người có quyền cao nhất và phải chịu trách nhiệm trước nhà nước và công ty về mọi kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Phó Giám đốc tài chính: là quản lý tài chính như nghiên cứu, phân tích và xử lý các mối quan hệ tài chính trong doanh nghiệp; xây dựng các kế hoạch tài chính; khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn, cảnh báo các nguy cơ đối với doanh nghiệp thông qua phân tích tài chính và đưa ra những dự báo đáng tin cậy trong tương lai.

- Phó Giám đốc điều hành: Chịu trách nhiệm lập kế hoạch và định hướng chiến lược chung cho công ty. Đưa ra mục tiêu, hướng phát triển và chiến lược của công ty. Đảm bảo đạt được các mục tiêu hiện tại và tương lai của công ty như mong đợi của ban giám đốc về tăng trưởng doanh số, lợi nhuận, chất lượng sản phẩm, phát triển nhân tài và các hoạt động khác. Lập kế hoạch kinh doanh và marketing. Quản lý nhân viên để đảm bảo đạt được kết quả tốt nhất. Trình bày báo cáo rõ ràng và đúng hạn cho ban giám đốc, trình bày các đề xuất cho ban giám đốc duyệt. Đánh giá tình hình hoạt động của các phòng ban

- Phó Giám đốc kỹ thuật : Công tác quản lý thiết kế, và giám sát kỹ thuật, chất lượng, quản lý vật tư, thiết bị, quản lý an toàn, lao động, vệ sinh môi trường tại các dự án. Công tác soát xét, lập, trình duyệt thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công kiểm định chất lượng thi công, chất lượng công trình, soát xét trình duyệt hồ sơ hoàn công công trình, thực hiện các nhiệm vụ khác do Tổng Giám đốc giao.

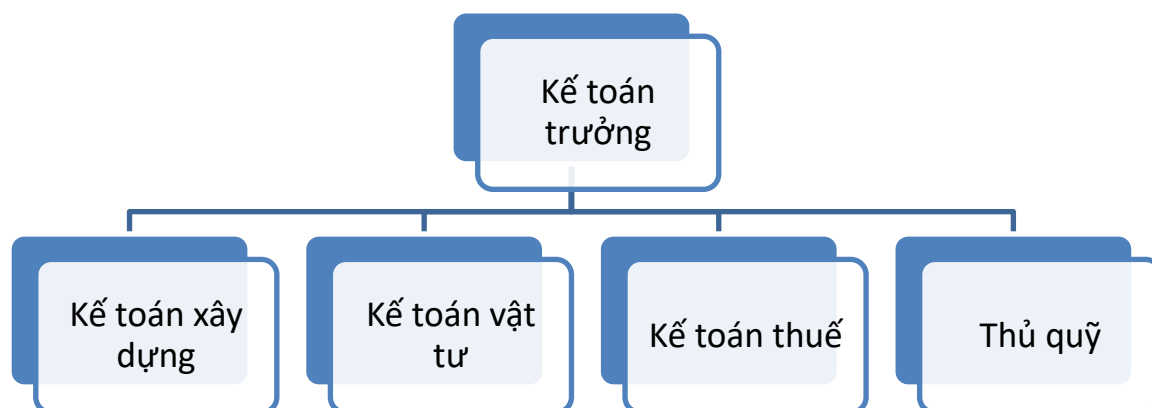
- Phòng tổ chức hành chính: tham mưu, giúp việc cho giám đốc công ty và tổ chức thực hiện các việc trong lĩnh vực tổ chức lao động, quản lý và bố trí nhân lực, bảo hộ lao động, chế độ chính sách, chăm sóc sức khỏe cho người lao động, bảo vệ quân sự theo luật và quy chế công ty. Kiểm tra, đôn đốc các bộ phận trong công ty thực hiện nghiêm túc nội quy, quy chế công ty. Làm đầu mối liên lạc cho mọi thông tin của giám đốc công ty.

- Phòng kế toán tài vụ: Công tác tài chính, kế toán tài vụ, kiểm toán nội bộ. Công tác quản lý tài sản, thanh quyết toán hợp đồng kinh tế. Kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty. Quản lý vốn, tài sản của Công ty, tổ chức, chỉ đạo công tác kế toán trong toàn Công ty.

- Phòng kế hoạch kỹ thuật: Công tác xây dựng kế hoạch, chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty. Công tác xây dựng kế hoạch đầu tư và thực hiện lập các dự án đầu tư. Công tác kỹ thuật, công nghệ, định mức và chất lượng sản phẩm.

### **2.1.7. Tổ chức công tác kế toán tại công ty**

#### **2.1.7.1. Tổ chức bộ máy kế toán**



**Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán**

### **2.1.7.2. Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty**

- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của công ty áp dụng theo chế độ kế toán ban hành theo quyết định số 48/2006/QĐ- BTC ngày 20/3/2006 của bộ trưởng Bộ Tài chính.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng tồn kho: giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn.

- Phương pháp hạch toán thuế: công ty tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

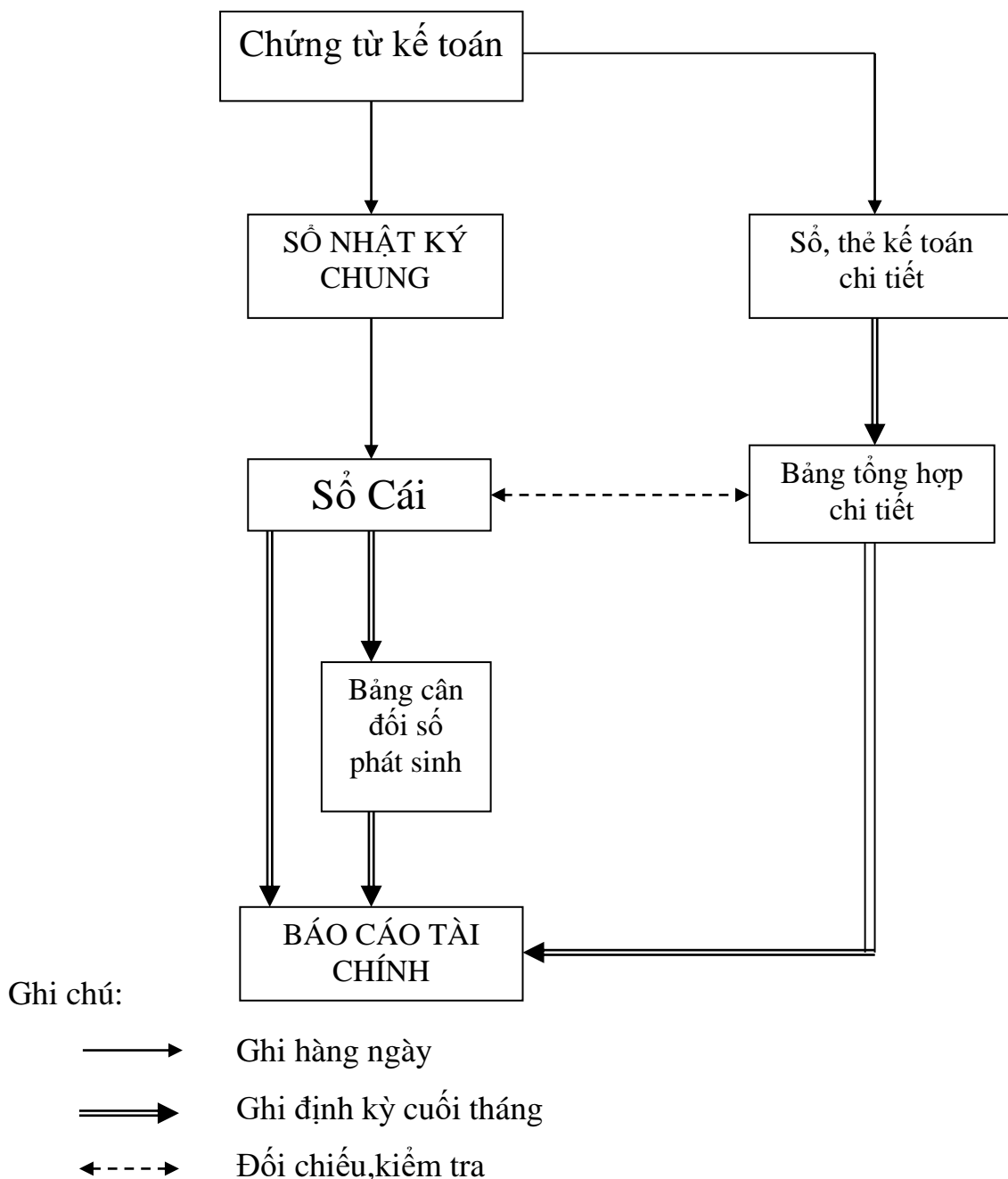
- Phương pháp khấu hao TSCĐ: TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

+/- Hình thức ghi sổ kế toán: Để đáp ứng được yêu cầu quản lí, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi, công ty đã áp dụng hình thức kế toán “ Nhật Ký Chung”. Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung theo thứ tự thời gian. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan. Cuối tháng, quý, năm cộng số liệu trên sổ Cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra, đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo Tài chính.

### 2.1.7.3. Tổ chức hệ thống sổ kế toán tại công ty

Hình thức kế toán Nhật ký chung bao gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái
- Các Sổ, thẻ kế toán chi tiết



Sơ đồ 2.3: Tổ chức hệ thống sổ kế toán

### 2.1.7.4. Hệ thống báo cáo tài chính tại công ty

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty theo Quyết định số 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ Tài chính

- Bảng Cân đối kế toán: Mẫu số B01 - DNN
- Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh: Mẫu số B02 - DNN
- Bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Mẫu số B09 - DNN
- Bảng Cân đối tài khoản: Mẫu số F01- DNN
- Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ: Mẫu số B03-DNN

## 2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ điện Quang Minh.

### 2.2.1. Đặc điểm tổ chức quản lý nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Xây lắp Cơ điện Quang Minh.

#### 2.2.1.1. Đặc điểm và phân loại nguyên vật liệu tại Công ty.

Để tiến hành thi công xây dựng nhiều công trình khác nhau đáp ứng nhu cầu thị trường công ty phải sử dụng một khối lượng nguyên vật liệu rất lớn bao gồm nhiều thứ, nhiều loại khác nhau, mỗi loại vật liệu có vai trò, tính năng lý hóa riêng. Muốn quản lý tốt và hạch toán chính xác vật liệu thì phải tiến hành phân loại vật liệu một cách khoa học và hợp lý.

Nguyên vật liệu phục vụ sản xuất sản phẩm tại Công ty được chia thành 04 nhóm cơ bản, gồm có:

- Nguyên liệu chính: gồm các loại thép hình, thép tấm, thép cuộn, ...
- Nguyên vật liệu phụ: gồm các loại bulông, đai ốc, mặt bích, cao su , ...
- Vật liệu hàn : gồm các loại dây hàn, que hàn, thuốc hàn, ...
- Nguyên vật liệu sơn: gồm các loại sơn chống gỉ, sơn phủ, ...
- Vật liệu điện.

#### 2.2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu tại Công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ điện Quang Minh

##### ➤ Giá thực tế nguyên vật liệu nhập kho

Công ty tính giá nguyên vật liệu nhập kho theo giá thực tế. Các loại nguyên vật liệu sử dụng sản xuất tại công ty hầu hết là các nguyên vật liệu mua ngoài.

$$\text{Giá thực tế NVL nhập kho} = \text{Giá mua ghi trên hóa đơn} + \text{Chi phí thu mua thực tế} - \text{CKTM, giảm giá hàng mua}$$



### **Trong đó:**

Giá ghi trên hóa đơn là của người bán: là giá chưa có thuế GTGT.

Chi phí thực tế gồm: chi phí vận chuyển, bốc dỡ,... được cộng vào giá trị thực tế của nguyên vật liệu nhập kho.

### **Thủ tục nhập kho nguyên vật liệu.**

Khi nguyên vật liệu về đến công ty, cán bộ kỹ thuật sẽ kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của hóa đơn và tiến hành kiểm tra về mặt số lượng, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho. Phiếu nhập kho được lập khi có đủ chữ ký của các bên liên quan. Phiếu nhập kho của Công ty được lập thành 03 liên:

Liên 1: Lưu tại cuốn

Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho.

Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ

#### ➤ **Tính giá nguyên vật liệu xuất kho**

Hiện tại công ty Cổ phần Xây lắp cơ điện Quang Minh đang áp dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn để tính giá nguyên vật liệu xuất kho.

Nguyên vật liệu xuất kho được tính như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân sau lần} \\ \text{nhập } j \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Trị giá VT tồn trước} \\ \text{lần nhập } j \end{array} + \begin{array}{l} \text{Trị giá VT lần} \\ \text{nhập } j \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Số lượng VT tồn} \\ \text{trước lần nhập } j \end{array} + \begin{array}{l} \text{Số lượng VT lần} \\ \text{nhập } j \end{array}}$$

**Trị giá vật liệu xuất dùng = Đơn giá bình quân \* số lượng vật liệu xuất kho.**

### **Thủ tục xuất kho nguyên vật liệu**

Nguyên vật liệu tại công ty được dùng chủ yếu cho thi công các công trình. Khi đội trưởng các công trình có nhu cầu về nguyên vật liệu sẽ lập phiếu yêu cầu cấp vật tư, thông qua phòng quản lý thi công nếu hợp lý thì chuyển lên cho giám đốc duyệt. Sau đó chuyển xuống cho thủ kho phiếu yêu cầu xin cấp vật tư đã được ký duyệt, thủ kho căn cứ vào đó viết phiếu xuất kho và tiến hành xuất kho nguyên vật liệu.

### Phiếu xuất kho được chia làm 3 liên:

Liên 1: Lưu tại cuốn.

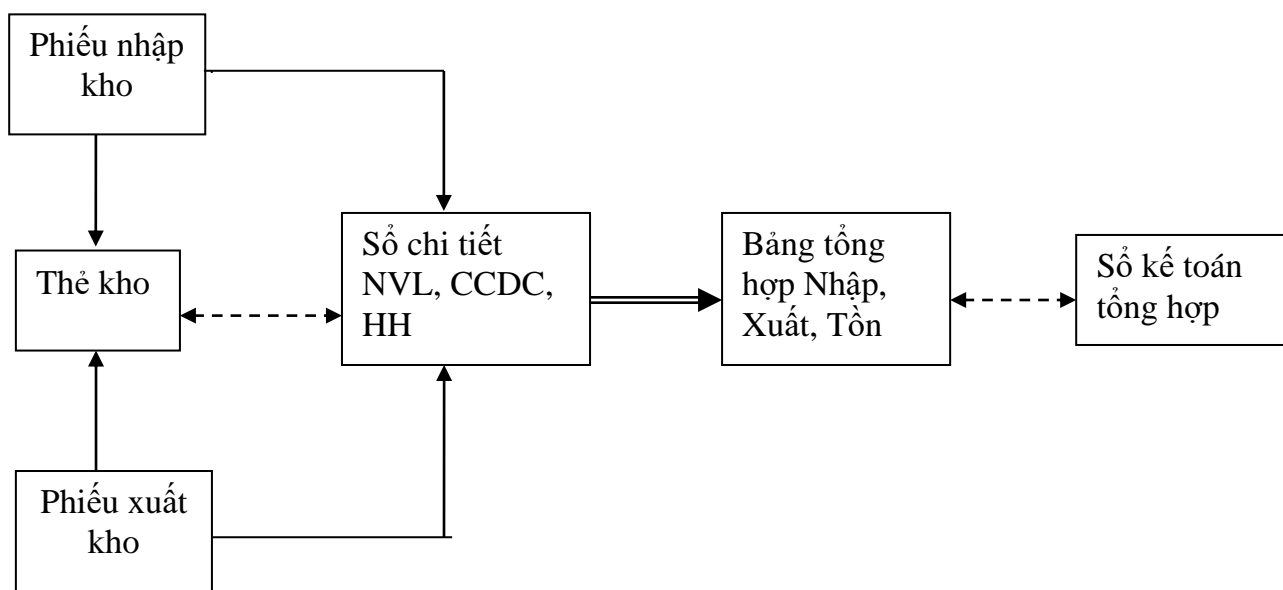
Liên 2: Thủ kho giữ để ghi vào thẻ kho

Liên 3: Chuyển cho phòng kế toán để ghi sổ

### 2.2. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu tại công ty.

Do nguyên vật liệu của công ty chiếm một tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm nên đòi hỏi phải phản ánh theo dõi chặt chẽ tình hình nhập-xuất-tồn của từng loại nguyên vật liệu cả về mặt số lượng và giá trị. Vật liệu ở công ty rất đa dạng, các nghiệp vụ nhập, xuất diễn ra thường xuyên hàng ngày, do đó nhiệm vụ của kế toán chi tiết nguyên vật liệu là vô cùng quan trọng và không thể thiếu được.

Tổ chức kế toán nguyên vật liệu và công tác kiểm tra tình hình cung cấp, sử dụng vật liệu, công ty Cổ phần Xây lắp cơ điện Quang Minh đã lựa chọn phương pháp thẻ song song để hạch toán chi tiết nguyên vật liệu.



Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi định kỳ cuối tháng
- <----> Đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 2.4: Quy trình hạch toán chi tiết nguyên vật liệu theo phương pháp thẻ song song tại Công ty Cổ Phần xây lắp – cơ điện Quang Minh.**

- **Tại kho:** thủ kho dựa vào phiếu nhập, xuất và các chứng từ khác để mở thẻ kho và ghi theo số lượng. Mỗi loại nguyên vật liệu được theo dõi ở một thẻ kho riêng để tiện trong việc ghi chép, kiểm tra. Khi nhận được các chứng từ nhập, xuất vật liệu thủ kho phải kiểm tra tính hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tiến hành ghi chép số thực nhập, thực xuất vào chứng từ thẻ kho, cuối ngày tính ra số tồn kho ghi vào thẻ kho. Định kỳ 3-5 ngày thủ kho gửi các chứng từ nhập, xuất được phân loại theo từng thứ vật liệu cho phòng kế toán kiểm tra, kế toán ký xác nhận vào thẻ kho.

-**Tại phòng kế toán:** Kế toán mở sổ hoặc thẻ chi tiết vật liệu ghi chép sự biến động nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu cả về mặt hiện vật và giá trị. Hàng ngày hoặc định kỳ sau khi nhận các chứng từ nhập, xuất kho vật liệu do thủ kho chuyển lên, kế toán kiểm tra và ghi vào sổ chi tiết hàng hóa vật tư theo từng loại mặt hàng về số lượng, giá trị.

+/ Cuối kỳ kế toán tiến hành cộng sổ và tính ra số tồn kho cho từng loại vật liệu, đồng thời tiến hành đối chiếu số liệu trên sổ kế toán chi tiết vật liệu với thẻ kho tương ứng. Căn cứ vào các sổ chi tiết vật liệu kế toán lấy số liệu để ghi vào bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn vật liệu. Để thực hiện đối chiếu giữa kế toán tổng hợp và chi tiết, kế toán phải căn cứ vào sổ kế toán chi tiết để lập bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn kho của từng loại vật liệu. Số liệu của bảng này được đối chiếu với số liệu của phần kế toán tổng hợp.

### **Tình hình nhập, xuất kho đá hộc tháng 12/2015 như sau:**

#### Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ:

**Ví dụ 1:** Ngày 24/12/2015 Công ty mua 3.548m<sup>3</sup> đá hộc của công ty TNHH một thành viên Xây dựng – Thương Mại – Vật tư Minh Anh.

+/ Nhập kho 3.548m<sup>3</sup> đơn giá 230.000đồng/m<sup>3</sup>

Trị giá nhập kho ngày 24/12: 3.548 x 230.000 = 816.040.000đồng

+/ Căn cứ vào HĐ GTGT 0000155 ( Biểu số 2.1) và phiếu nhập kho số 63 (Biểu số 2.2 ) thủ kho ghi vào thẻ kho ( Biểu số 2.5) kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu – đá hộc ( Biểu số 2.6 ).

**Ví dụ 2:** Ngày 25/12/2015, xuất kho 1.402m<sup>3</sup> đá hộc cho công trình thi công san nền & sản xuất khối xếp cầu tàu nhà máy xi măng Hoàng Thạch theo giấy đề nghị cấp vật tư (Biểu số 2.3) từ đội trưởng chuyển lên đã được phê duyệt. Trị giá xuất kho đá hộc được tính như sau:

+/ Tồn đầu kỳ (ngày 1/12): 300m<sup>3</sup>, đơn giá 229.500 đồng/m<sup>3</sup>

## Khóa luận tốt nghiệp

---

Trị giá tồn kho đầu kỳ:  $300 \times 229.500 = 68.850.000$  đồng

+/- Nhập kho  $3.548\text{m}^3$  đơn giá  $230.000$  đồng/ $\text{m}^3$

Trị giá nhập kho ngày 24/12:  $3548 \times 230.000 = 816.040.000$  đồng

+/- Xuất kho  $1.402\text{m}^3$  cho công trình thi công san nền & sản xuất khối xếp cầu tàu nhà máy xi măng Hoàng Thạch.

**Đơn giá**

**bình quân**

$$68.850.000 + 816.040.000$$

**đá học xuất** =  $\frac{\quad}{\quad} = 229.961$  đồng/ $\text{m}^3$

**ngày 25/12**

$$300 + 3.548$$

Trị giá  $1402\text{m}^3$  đá học xuất ngày 25/12 xuất kho:  $1.402 \times 229.961 = 322.405.322$  đ

+/- Thủ kho viết phiếu xuất kho số 74 (Biểu số 2.4). Căn cứ vào phiếu xuất kho 74 (Biểu số 2.4) thủ kho vào thẻ kho (Biểu số 2.5), kế toán ghi vào sổ chi tiết vật liệu – đá học (Biểu số 2.6)

**Biểu số 2.1: Trích HĐ GTGT đầu vào**

## HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2 : Giao cho người mua

Mẫu số : 01GTKT3/001  
Ký hiệu : MA/13P  
Số : **0000155**

Ngày 24 Tháng 10 Năm 2015

---

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XD-TM-VT MINH ANH**  
 Mã số thuế : **0801039425**  
 Địa chỉ : Khu 1, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương  
 Điện thoại : 0964.389.538  
 Số tài khoản : .....

---

Họ tên người mua hàng : .....  
 Tên đơn vị : Công ty cổ phần xây lắp - cơ điện Quang Minh  
 Mã số thuế : 0200894900 .....  
 Địa chỉ : Số 21618 Ngõ Gia Tự - P. Thách 7C - Q. Hai Bà - Hải Phòng  
 Hình thức thanh toán : ..... Số tài khoản : .....

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	<u>Đá hộc</u>	<u>m<sup>3</sup></u>	<u>3,548</u>	<u>230.000</u>	<u>816.040.000</u>
<div style="border: 1px solid red; padding: 5px; width: fit-content; margin: 0 auto;"> <p><b>SHB HẢI PHÒNG - PGD QUÝ KIM</b></p> <p><b>ĐÃ CHO VAY</b></p> <p>Số tiền: <u>500.000.000</u> VND</p> <p>Ngày: <u>24/10/2016</u></p> </div>					
Cộng tiền hàng : <u>816.040.000</u>					
Thuế suất GTGT : <u>10</u> %					Tiền thuế GTGT : <u>81.604.000</u>
Tổng cộng tiền thanh toán : <u>897.644.000</u>					
Số tiền viết bằng chữ : <u>Tám trăm chín mươi bảy triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng</u>					


**Người mua hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**BÁN HÀNG  
QUA ĐIỆN THOẠI**

**Người bán hàng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thân Thị Thu Thảo

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)



**GIÁM ĐỐC**  
Nguyễn Thị Thảo

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty Cổ Phần In Số Tam - Số 60 Đường 49, P. Bình Thuận, Q.7, TPHCM - ĐT. 08. 54332712 - Mã Số Thuế : 0305575517 - Website : www.insoctai.com



# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.2: Phiếu nhập kho**

**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

**Mẫu số 01 - VT**

**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC*

*ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## **PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 24/12/2015

Số: 63

Người giao hàng: Lê Quang Tùng

Theo: HDGTGT số 0000155

Nhập tại kho: Kho Cty CP xây lắp – cơ điện Quang Minh.

Địa chỉ: 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

STT	TÊN, NHÃN HIỆU	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GÍA	THÀNH TIỀN
				THEO CT	THỰC NHẬP		
1	Đá học	ĐH	M <sup>3</sup>		3.548	230.000	816.040.000
	<b>Cộng</b>				<b>3.548</b>		<b>816.040.000</b>

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm hai mươi hai triệu bốn trăm linh lăm nghìn ba trăm hai mươi hai đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 24 tháng 12 năm 2015.

**Người lập phiếu** **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

---

## Biểu mẫu số 2.3 Giấy đề nghị cấp vật tư.

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ

Điện Quang Minh

Địa chỉ: 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô,

Q.Hải An, HP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2015

### **GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ**

Họ và tên: Lê Anh Quân

Đơn vị: Đội 3

Lý do sử dụng: Phục vụ công trình thi công san nền & sản xuất khối xếp cầu tàu nhà máy xi măng Hoàng Thạch.

TT	Tên Vật Tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Đá hộc	M <sup>3</sup>	1402	

Phê duyệt

(Ghi rõ họ và tên)

Người đề nghị

(Ghi rõ họ và tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.4: Phiếu xuất kho**

**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

**Mẫu số 02 - VT**

**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 25/12/2015

Số: 74

Người nhận hàng : Lê Anh Quân Bộ phận: Đội xây dựng

Lý do xuất: Phục vụ công trình thi công san nền & sản xuất khối xếp cầu tàu nhà máy xi măng Hoàng Thạch.

Xuất tại kho: Kho Cty CP xây lắp – cơ điện Quang Minh

STT	TÊN, NHÃN HIỆU	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				YÊU CẦU	THỰC XUẤT		
1	Đá hộc	ĐH	M <sup>3</sup>	1402	1.402	229.961	322.405.322
	<b>Cộng</b>				<b>1.402</b>		<b>322.405.322</b>

- Tổng số tiền ( viết bằng chữ): Ba trăm hai mươi hai triệu bốn trăm linh lăm nghìn ba trăm hai mươi hai đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 25 tháng 12 năm 2015.

**Người lập phiếu** **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)



# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.5: Trích thẻ kho**

**Đơn vị:** Công ty CP Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự – P. Thành Tô – Quận Hải An – Hải Phòng

**Mẫu số S12-SKT/DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **THẺ KHO**

Ngày mở thẻ: 01/12/2015

Tờ số 01

Tên nhãn hiệu : Đá hộc

-Đơn vị tính : M<sup>3</sup>

-Mã số : ĐH

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				<b><u>Tồn đầu tháng 12</u></b>				<b><u>300</u></b>	
				Số phát sinh trong kỳ					
<b>1</b>	<b>24/12</b>	<b>PN63</b>		<b>Mua đá hộc</b>	<b>24/12</b>	<b>3.548</b>		<b>3.848</b>	
<b>2</b>	<b>25/12</b>		<b>PX74</b>	<b>Xuất đá hộc cho CT Xi măng Hoàng Thạch</b>	<b>24/12</b>		<b>1.402</b>	<b>2.446</b>	
3	26/12	PN64		Mua đá hộc	26/12	2.450		4.896	
4	26/12		PX75	Xuất đá hộc	26/12		1.520	3.376	
				...					
				Cộng phát sinh		7.350	6.000		
				<b><u>Dư cuối tháng 12</u></b>				<b><u>1.650</u></b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(ký, họ tên)

**Giám đốc**

(ký, họ tên, đóng dấu)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.6: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ ( sản phẩm, hàng hóa)**

Đơn vị: Công ty CP Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh  
Địa chỉ: 12/618 Ngô Gia Tự – P. Thành Tô – Quận Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S07-DNN  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tài khoản 152

Tên quy cách: Đá hộc

Năm 2015

ĐVT: M<sup>3</sup>

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐU	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		<b>Số dư đầu T12</b>		<b>229.500</b>					<b>300</b>	<b>68.850.000</b>	
		Số phát sinh									
PN63	24/12	Mua đá hộc	331	230.000	3.548	816.040.000			3.848	884.890.000	
PX74	25/12	Xuất đá hộc cho CT Xi măng Hoàng Thạch	154	229.961			1.402	322.405.322	2.446	562.484.678	
PN64	26/12	Mua đá hộc	331	230.000	2.450	563.500.000			4.896	1.125.984.678	
PX75	26/12	Xuất đá hộc	154	229.961			1.520	349.540.720	3.376	776.443.958	
PX76	27/12	Xuất đá hộc cho CT Xi măng Hoàng Thạch	154	229.961			1.200	275.953.200	2.176	500.490.758	
		....									
		Cộng phát sinh			7.350	1.690.500.000	6.000	1.379.766.000			
		<b>Số dư cuối T12</b>							<b>1.650</b>	<b>379.584.000</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Giám đốc**  
(ký tên, đóng dấu)

**Người lập phiếu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



**Biểu mẫu số 2.7: Hóa đơn GTGT đầu vào**

Ký hiệu: HO/15P  
Số: **0112157**

(Liên 2: Giao người mua)  
Ngày: 25 tháng 12 năm 2015 9:19  
Mã số thuế: 5700101690 - 001

Người bán hàng: CHI NHANH XĂNG DẦU HẢI DƯƠNG  
Địa chỉ: Km 4, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Người mua hàng: Lê Thanh Hương  
Mã số thuế: 0200894900  
Phương thức thanh toán: Tiền mặt


Người mua hàng: Công ty cổ phần xây lắp cơ điện Quang Minh  
Địa chỉ: 12/18 Ngõ Gia Tự - Thành Tô - Mỹ An - Hải Phòng

T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	KOMAT SHD50 - Phụ 200 lít	Lít	5,00	46.363,6	231.818
Cộng tiền hàng					231.818
Tiền thuế GTGT (10 %)					23.182
Tiền phí khác					
Tổng số tiền thanh toán					255.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng chẵn.

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ, tên): *[Signature]*

Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ, tên): *[Signature]*



# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.8: Phiếu nhập kho**

**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

**Mẫu số 01 - VT**

**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC*

*ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## **PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 25/12/2015

Số: 65

Người giao hàng: Nguyễn Huy Hoàng

Theo: HDGTGT số 0112157

Nhập tại kho: Kho Cty CP xây lắp – cơ điện Quang Minh.

Địa chỉ: 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

STT	TÊN, NHÃN HIỆU	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GÍA	THÀNH TIỀN
				THEO CT	THỰC NHẬP		
1	Dầu Komat	DK	Lít		5	46.363,6	231.818
	<b>Cộng</b>				<b>5</b>		<b>231.818</b>

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm ba mươi một nghìn tám trăm hai mươi đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 25 tháng 12 năm 2015.

**Người lập phiếu**   **Người nhận hàng**   **Thủ kho**   **Kế toán trưởng**   **Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

---

## **Biểu mẫu số 2.9: Giấy đề nghị cấp vật tư.**

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ

Điện Quang Minh

Địa chỉ: 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô,

Q.Hải An, HP

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Hải Phòng, ngày 25 tháng 12 năm 2015

### **GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP VẬT TƯ**

Họ và tên: Lê Anh Quân

Đơn vị: Đội 3

Lý do sử dụng: Phục vụ công trình thi công san nền & sản xuất khối xếp cầu tàu nhà máy xi măng Hoàng Thạch.

TT	Tên Vật Tư	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Dầu Komat	Lít	50	

Phê duyệt

(Ghi rõ họ và tên)

Người đề nghị

(Ghi rõ họ và tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho**

**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

**Mẫu số 02 - VT**

**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 25/12/2015

Số: 75

Người nhận hàng : Lê Anh Quân

Bộ phận: Đội xây dựng

Lý do xuất: Bảo dưỡng máy thi công

Xuất tại kho: Kho Cty CP xây lắp – cơ điện Quang Minh

STT	TÊN, NHÃN HIỆU	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				YÊU CẦU	THỰC XUẤT		
1	Dầu Komat	DK	Lít	50	50	46.363,6	2.318.180
	<b>Cộng</b>				<b>50</b>		2.318.180

- Tổng số tiền ( viết bằng chữ): Hai triệu ba trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 25 tháng 12 năm 2015.

**Người lập phiếu** **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.11: Trích thẻ kho**

**Đơn vị:** Công ty CP Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự – P. Thành Tô – Quận Hải An – Hải Phòng

**Mẫu số S12-SKT/DNN**

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **THẺ KHO**

Ngày mở thẻ: 01/12/2015

Tờ số 02

Tên nhãn hiệu : Dầu Komat

-Đơn vị tính : Lít

-Mã số : DK

STT	Ngày tháng	Số hiệu chứng từ		Diễn giải	Ngày nhập, xuất	Số lượng			Ký xác nhận của kế toán
		Nhập	Xuất			Nhập	Xuất	Tồn	
				<b>Số dư đầu tháng 12</b>				<b>200</b>	
				Số phát sinh					
<b>1</b>	<b>25/12</b>	<b>PN65</b>		<b>Mua dầu Komat</b>	<b>25/12</b>	<b>5</b>		<b>205</b>	
<b>2</b>	<b>25/12</b>		<b>PX75</b>	<b>Xuất dầu Komat</b>	<b>25/12</b>		<b>50</b>	<b>155</b>	
3	26/12		PX76	Xuất dầu Komat	26/12		20	135	
4	29/12		PX78	Xuất dầu Komat	29/12		55	80	
				...					
				Cộng phát sinh		15	200		
				<b>Số dư cuối tháng 12</b>				<b>15</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên, đóng dấu)



# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.12: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ ( sản phẩm, hàng hóa )**

Đơn vị: Công ty CP Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

Địa chỉ: 12/618 Ngô Gia Tự – P. Thành Tô – Quận Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S06b-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)**

Tài khoản 152

Tên quy cách: Dầu Komat

Năm 2015

ĐVT: Lít

Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
		<b>Số dư đầu T12</b>		<b>46.363,6</b>					<b>200</b>	<b>9.272.720</b>	
		Số phát sinh									
<b>PN65</b>	<b>25/12</b>	<b>Mua dầu Komat</b>	<b>111</b>	<b>46.363,6</b>	<b>5</b>	<b>231.818</b>			<b>205</b>	<b>9.504.538</b>	
<b>PX75</b>	<b>25/12</b>	<b>Xuất dầu Komat bảo dưỡng máy</b>	<b>154</b>	<b>46.363,6</b>			<b>50</b>	<b>2.318.180</b>	<b>155</b>	<b>7.186.358</b>	
PX76	26/12	Xuất dầu Komat	154	46.363,6			20	927.272	135	6.259.086	
PX78	29/12	Xuất dầu Komat	154	46.363,6			55	2.550.020	80	3.709.066	
PN66	30/12	Mua dầu Komat	111	<b>46.363,6</b>	10	463.636			90	4.172.702	
		....									
		Cộng phát sinh			15	695.454	200	9.272.720			
		<b>Số dư cuối T12</b>							<b>15</b>	<b>695.454</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Giám đốc**  
(ký tên, đóng dấu)

**Người lập phiếu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Biểu số 2.13: Trích bảng tổng hợp chi tiết vật liệu, dụng cụ ( sản phẩm, hàng hóa )**

Đơn vị: Công ty CP Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

Địa chỉ: 12/618 Ngô Gia Tự – P. Thành Tô – Quận Hải An – Hải Phòng

Mẫu số: S08-DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG TỔNG HỢP CHI TIẾT  
VẬT LIỆU, DỤNG CỤ, SẢN PHẨM, HÀNG HÓA**

Tài khoản: 152

Tháng 12 năm 2015

STT	Tên, quy cách vật liệu, dụng cụ, sản phẩm hàng hóa	Số tiền			
		Tồn đầu kỳ	Nhập trong kỳ	Xuất trong kỳ	Tồn cuối kỳ
A	B	1	2	3	4
1	Gạch 6 lỗ	1.897.000	980.768.768	968.989.657	13.676.111
...	...	...	...	...	...
10	Đá hộc	68.850.000	1.690.500.000	1.379.766.000	379.584.000
11	Dầu Komat	9.727.720	695.454	9.272.720	695.454
...	...	...	...	...	...
18	Dầu diesel	0	2.639.400	2.639.400	0
...	...	...	...	...	...
	Cộng	718.862.735	1.040.550.000	645.550.000	1.113.862.735

Ngày 31 tháng 12 năm 2015

**Người lập**  
(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

### **2.3. Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu tại công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ điện Quang Minh**

Kế toán tổng hợp nguyên vật liệu là việc ghi chép, phản ánh một cách tổng quát tình hình biến động của nguyên vật liệu trên các tài khoản, sổ kế toán và các báo cáo tài chính theo chỉ tiêu giá trị. Hiện nay, công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ điện sử dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho nói chung và vật liệu nói riêng.

#### **2.3.1. Chứng từ kế toán sử dụng.**

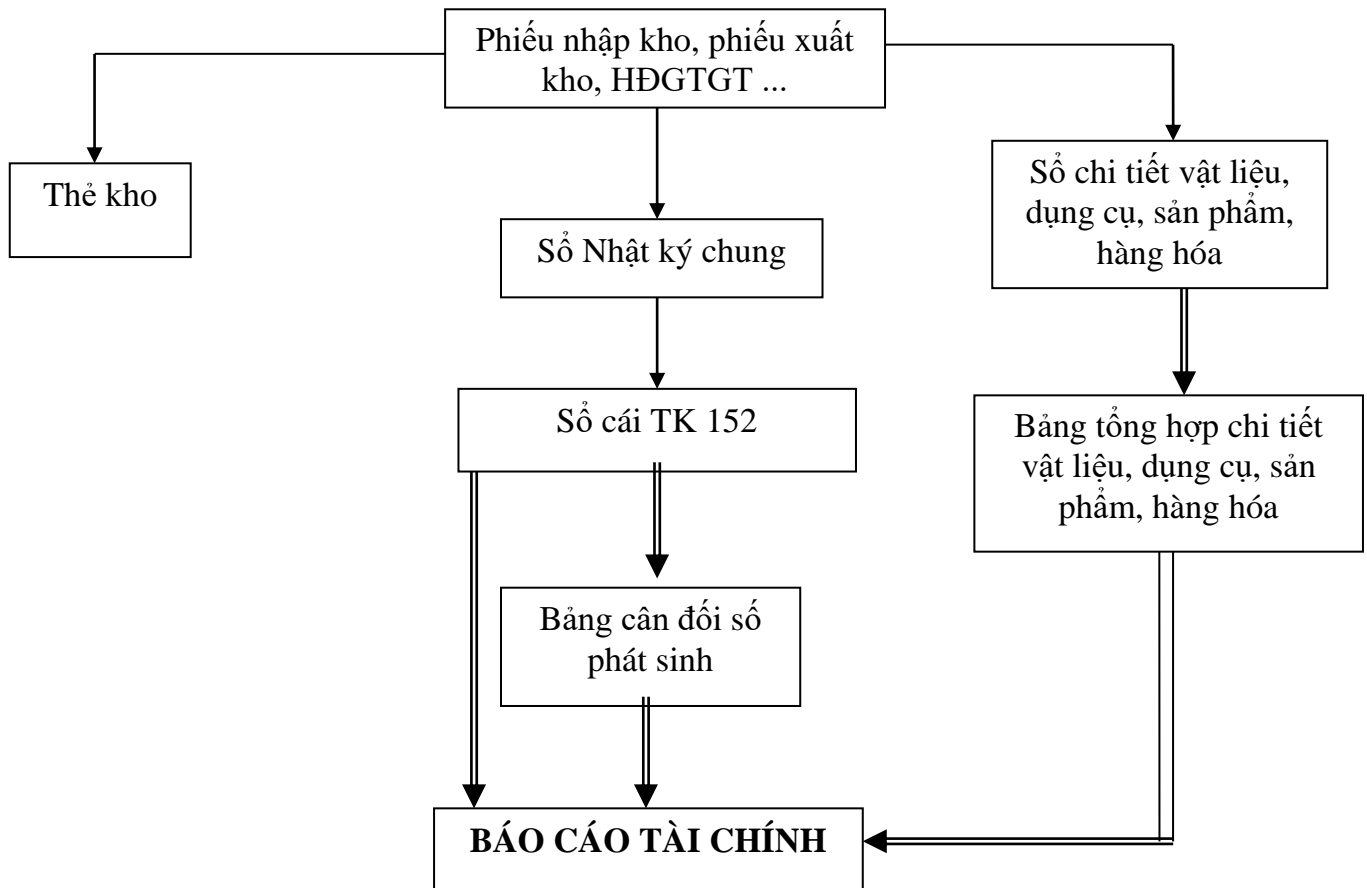
- Phiếu nhập kho
- Phiếu xuất kho.
- Hóa đơn GTGT
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu chi, giấy báo nợ, giấy báo có,.....

#### **2.3.2 Tài khoản kế toán sử dụng.**

- TK 152- “Nguyên vật liệu”
- TK 154- “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”
- TK 621 –“Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp”
- Các TK khác liên quan 133, 111, 112, 331,.....

**2.3.3 Quy trình hạch toán.**

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi định kỳ cuối tháng
- ⇔ Đối chiếu, kiểm tra

**Sơ đồ 2.5: Quy trình hạch toán kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần Xây lắp – Cơ điện Quang Minh.**

### 2.3.4. Ví dụ minh họa.

Lấy lại các nghiệp vụ ở phần kế toán chi tiết để minh họa phần kế toán tổng hợp.

#### **Ví dụ 5:**

- Ngày 24/12/2015 Công ty mua nợ đá học của công ty TNHH một thành viên Xây dựng – Thương Mại – Vật tư Minh Anh.
- Căn cứ vào HĐ GTGT 0000155 ( Biểu số 2.14) và phiếu nhập kho số 63 (Biểu số 2.15 ) kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21) từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK152 (Biểu số 2.22) , sổ cái các tài khoản khác liên quan.
- Ngày 25/12/2015, xuất kho 1402m<sup>3</sup> cho công trình thi công san nền & sản xuất khối xếp cầu tàu nhà máy xi măng Hoàng Thạch theo giấy đề nghị cấp vật tư , thủ kho viết phiếu xuất kho số 74 (Biểu số 2.16) kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21) và vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.22).

#### **Ví dụ 6:**

- Ngày 25/12/2015, Công ty mua 5 lít dầu Komat SHD50 của chi nhánh xăng dầu Hải Dương thanh toán bằng tiền mặt.
- Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 0112157 (Biểu số 2.17) ,phiếu chi ( Biểu số 2.18) và phiếu nhập kho số 65 (Biểu số 2.19), kế toán tiến hành ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.21). Từ sổ Nhật ký chung vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.22), và sổ cái các tài khoản liên quan.
- Ngày 25/12/ 2015, tại phòng kế toán theo giấy đề nghị cấp vật tư, Thủ kho viết phiếu xuất kho 75 (Biểu số 2.20), kế toán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.21), và vào sổ cái TK 152 (Biểu số 2.22).
- Cuối kỳ, đối chiếu số liệu trên sổ cái TK 152 với bảng tổng hợp nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu (Biểu số 2.23)

**Biểu mẫu số 2.14: Hóa đơn GTGT đầu vào**

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2 : Giao cho người mua

Mẫu số: 01GTKT3/001  
Ký hiệu: MA/13P  
Số : **0000155**

Ngày 24 Tháng 12 Năm 2015

Đơn vị bán hàng : **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XD-TM-VT MINH ANH**  
Mã số thuế : **0801039425**  
Địa chỉ : Khu 1, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương  
Điện thoại : 0964.389.538  
Số tài khoản :

Họ tên người mua hàng :  
Tên đơn vị : Công ty cổ phần xây lắp - cơ điện Quang Minh  
Mã số thuế : 0200894900  
Địa chỉ : Số 1618 Ngõ Giao Lộ P. Thới Lộc Q. Hải An Hải Phòng  
Hình thức thanh toán : Số tài khoản :

STT	Tên hàng hóa dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Đá hộc	m <sup>3</sup>	3.598	230.000	816.040.000

**SHB HẢI PHÒNG - PGD QUÝ KIM**

**ĐÃ CHO VAY**

Số tiền: 500.000.000

Ngày: 24/12/2016

Cộng tiền hàng : 816.040.000  
Thuế suất GTGT : 10 % Tiền thuế GTGT : 81.604.000  
Tổng cộng tiền thanh toán : 897.644.000

Số tiền viết bằng chữ : Tám trăm chín mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi bốn ngàn đồng

Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)  
Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)  
Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**BÁN HÀNG QUA ĐIỆN THOẠI**

MÃ SỐ 0801039425

**CÔNG TY T.N.H.H MỘT THÀNH VIÊN XD-TM-VT MINH ANH**

**GIÁM ĐỐC**  
Nguyễn Thị Hương

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

In tại Công ty Cổ Phần In Số Tam - Số 60 Đường 49, P. Bình Thuận, Q.7, TP.HCM - ĐT. 08. 54332712 - Mã Số Thuế : 0305575517 - Website : www.insoctai.com



# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.15: Phiếu nhập kho**

**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

**Mẫu số 01 - VT**

**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC*

*ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## **PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 24/12/2015

Số: 63

Người giao hàng: Lê Quang Tùng

Theo: HDGTGT số 0000155

Nhập tại kho: Kho Cty CP xây lắp – cơ điện Quang Minh.

Địa chỉ: 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

STT	TÊN, NHÃN HIỆU	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GÍA	THÀNH TIỀN
				THEO CT	THỰC NHẬP		
1	Đá học	ĐH	M <sup>3</sup>		3.548	230.000	816.040.000
	<b>Cộng</b>				<b>3.548</b>		<b>816.040.000</b>

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm hai mươi hai triệu bốn trăm linh lăm nghìn ba trăm hai mươi hai đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 24 tháng 12 năm 2015.

**Người lập phiếu** **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.16: Phiếu xuất kho**

**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

**Mẫu số 02 - VT**

**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 25/12/2015

Số: 74

Người nhận hàng : Lê Anh Quân

Bộ phận: Đội xây dựng

Lý do xuất: Phục vụ công trình thi công san nền & sản xuất khối xếp cầu tàu nhà máy xi măng Hoàng Thạch.

Xuất tại kho: Kho Cty CP xây lắp – cơ điện Quang Minh

STT	TÊN, NHÃN HIỆU	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				YÊU CẦU	THỰC XUẤT		
1	Đá học	ĐH	M <sup>3</sup>	1.402	1.402	229.961	322.405.322
	<b>Cộng</b>				<b>1.402</b>		<b>322.405.322</b>

- Tổng số tiền ( viết bằng chữ): Ba trăm hai mươi hai triệu bốn trăm linh lăm nghìn ba trăm hai mươi hai đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày 25 tháng 12 năm 2015.

**Người lập phiếu** **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)



**Biểu mẫu số 2.17: Hóa đơn GTGT đầu vào**

**(Liên 2: Giao người mua)**  
 Ngày 25 tháng 12 năm 2015 9:19  
 Mã số thuế: 5700101690 - 001  
 Địa chỉ: Km 4, đường Nguyễn Lương Bằng, Phường Việt Hòa, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Ký hiệu: HD15P  
 Số: 0112157

Mã số thuế: 0200894900  
 Phương thức thanh toán: Tiền mặt

T	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	KOMAT SHD50 - Phụ vụ 200 lit	Lit	5,00	46.363,6	231.818
Cộng tiền hàng					231.818
Tiền thuế GTGT (10 %)					23.182
Tiền phí khác					
Tổng số tiền thanh toán					255.000

Ng số tiền thanh toán bằng chữ: Hai trăm năm mươi lăm ngàn đồng chẵn.

Người mua hàng  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng  
(Ký, ghi rõ họ, tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

---

## **Biểu số 2.18: Phiếu chi**

**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

**Mẫu số 07 - DN**

**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### **PHIẾU CHI**

*Ngày 25 tháng 12 năm 2015* Số : 254

Nợ : 152,133

Có : 111

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Thị Quý

Địa chỉ: Chi nhánh Xăng dầu Hải Dương

Lý do chi: Mua dầu Komat SHD50 – Phuy 200 lít

Số tiền: 255.000 đồng (Viết bằng chữ): *Hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng chẵn.*

Kèm theo hóa đơn GTGT 0112157

<b>Giám đốc</b>	<b>Kế toán trưởng</b>	<b>Người lập</b>	<b>Người nhận tiền</b>	<b>Thủ quỹ</b>
<i>(Ký, họ tên, đóng dấu)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>	<i>(Ký, họ tên)</i>

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): *Hai trăm ba mươi một nghìn tám trăm mười tám nghìn đồng.*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....VNĐ.....

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.19: Phiếu nhập kho**

**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

**Mẫu số 01 - VT**

**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

*(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC*

*ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## **PHIẾU NHẬP KHO**

Ngày 25/12/2015

Số: 65

Người giao hàng: Nguyễn Huy Hoàng

Theo: HDGTGT số 0112157

Nhập tại kho: Kho Cty CP xây lắp – cơ điện Quang Minh.

Địa chỉ: 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

STT	TÊN, NHÃN HIỆU	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GÍA	THÀNH TIỀN
				THEO CT	THỰC NHẬP		
1	Dầu Komat	DK	Lít		5	46.363,6	231.818
	<b>Cộng</b>				<b>5</b>		<b>231.818</b>

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Hai trăm ba mươi một nghìn tám trăm mười tám đồng.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 25 tháng 12 năm 2015.

**Người lập phiếu    Người nhận hàng    Thủ kho    Kế toán trưởng    Giám đốc**

(Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)      (Ký, họ tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.20: Phiếu xuất kho**

**Đơn vị:** Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

**Mẫu số 02 - VT**

**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự, P.Thành Tô, Q.Hải An, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

## **PHIẾU XUẤT KHO**

Ngày 25/12/2015

Số: 75

Người nhận hàng : Lê Anh Quân

Bộ phận: Đội xây dựng

Lý do xuất: Bảo dưỡng máy thi công

Xuất tại kho: Kho Cty CP xây lắp – cơ điện Quang Minh

STT	TÊN, NHÃN HIỆU	MÃ SỐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG		ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
				YÊU CẦU	THỰC XUẤT		
1	Dầu Komat	DK	Lít	50	50	46.363,6	2.318.180
	<b>Cộng</b>				<b>50</b>		2.318.180

- Tổng số tiền ( viết bằng chữ): Hai triệu ba trăm mười tám nghìn một trăm tám mươi đồng chẵn.

- Số chứng từ gốc kèm theo: 01

Ngày 25 tháng 12 năm 2015.

**Người lập phiếu** **Người nhận hàng** **Thủ kho** **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

( Ký, họ tên)

# Khóa luận tốt nghiệp

## **Biểu số 2.21 : Trích sổ nhật ký chung**

Đơn vị: Công ty Cổ Phần Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh

Địa chỉ: 12/618 Ngô Gia Tự – P. Thành Tô – Quận Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ NHẬT KÝ CHUNG**

Năm 2015

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
...	...	...	...	...	...	...	...
24/12	PN63	24/12	Mua đá hộc		152 133 331	816.040.000 81.604.000	897.644.000
25/12	PX74	24/12	Xuất đá hộc cho CT xi măng Hoàng Thạch		154 152	322.460.000	322.460.000
25/12	PN65 PC254	25/12	Mua dầu Komat		152 133 111	231.818 23.182	255.000
25/12	PX75	25/12	Xuất dầu Komat bảo dưỡng máy thi công		154 152	2.318.180	2.318.180
29/12	GBN105	29/12	Chuyển khoản trả công ty CP Đức Khánh		331 112	130.000.000	130.000.000
...	...	...	...	...	...	...	...
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>114.510.455.323</b>	<b>114.510.455.323</b>

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

**Biểu số 2.22: Trích sổ cái TK 152**

Đơn vị: Công ty CP Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh  
Địa chỉ: 12/618 Ngô Gia Tự – P. Thành Tô – Quận Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC  
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**

Tên tài khoản: Nguyên liệu, vật liệu

Số hiệu tài khoản: 152

Năm 2015 Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			<b>Số dư đầu tháng 12</b>		<b>718.862.735</b>	
			Số phát sinh trong tháng			
24/12	PN63	24/12	Mua đá học	331	816.040.000	
25/12	PX74	24/12	Xuất đá học cho CT xi măng Hoàng Thạch	154		322.460.000
25/12	PN65	25/12	Mua dầu Komat	111	231.818	
25/12	PX75	25/12	Xuất dầu Komat bảo dưỡng máy thi công	154		2.318.180
31/12	PX53	01/12	Xuất dầu Diesel cho máy thi công	623		2.639.400
			...			
			<b>Cộng phát sinh tháng 12</b>		<b>1.040.550.000</b>	<b>645.550.000</b>
			<b>Số dư cuối năm</b>		<b>1.113.862.735</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Người ghi sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(ký, họ tên)

Giám đốc  
(ký, họ tên, đóng dấu)

## CHƯƠNG 3

### MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN NGUYÊN VẬT LIỆU TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP – CƠ ĐIỆN QUANG MINH

#### **3.1. Đánh giá chung về công tác kế toán nguyên vật liệu tại công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh.**

Công ty cổ phần xây lắp cơ điện Quang Minh là đơn vị sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng với sản phẩm chủ yếu là các công trình công nghiệp và dân dụng có quy mô lớn, kết cấu phức tạp, thời gian sử dụng lâu dài và mang tính cố định. Do đó, công tác quản lý giám sát thi công là điều hết sức quan trọng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu vì nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng lớn trong chi phí sản xuất, có ảnh hưởng lớn đến chất lượng công trình cũng như mỹ quan của sản phẩm. Công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của doanh nghiệp đang ngày càng được củng cố và hoàn thiện hơn, đáp ứng yêu cầu về lĩnh vực xây dựng trong nền kinh tế hiện nay.

Qua quá trình nghiên cứu thực tế tại Công ty cổ phần xây lắp cơ điện Quang Minh em nhận thấy trong công tác quản lý, sử dụng và hạch toán kế toán nguyên vật liệu ở đây đã có những ưu điểm nhưng cũng còn tồn tại một số hạn chế, em xin mạnh dạn đưa ra dưới đây rất mong Công ty tiếp tục phát huy những ưu điểm đồng thời nhanh chóng khắc phục những nhược điểm nhằm mục đích hoàn thiện hơn nữa công tác quản lý, sử dụng và hạch toán nguyên vật liệu trong thời gian tới.

#### **3.1.1. Ưu điểm.**

##### ***\*Về tổ chức bộ máy kế toán:***

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập chung: Toàn bộ công tác kế toán tập chung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra và gửi về phòng kế toán kiểm tra lại tính chính xác, hợp lý, hợp lệ của chứng từ rồi tổng hợp ghi vào sổ kế toán. Mô hình này phù hợp với quy mô của công ty cổ phần xây lắp cơ điện Quang Minh, nó đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, kiểm tra, đối chiếu, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác.



Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức tương đối gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả. Cán bộ kế toán được phân công, phân nhiệm vụ rõ ràng nên sự chuyên môn hóa rất cao, đảm bảo các phần hành tiến hành nhanh nhẹn, độ chính xác cao và đảm bảo khả năng cung cấp thông tin trung thực, hợp lý, kịp thời.

**\*Về công tác thu mua, bảo quản và sử dụng nguyên vật liệu:**

Vấn đề quản lý chặt chẽ các yếu tố đầu vào là yếu tố sống còn đối với mỗi doanh nghiệp, đặc biệt là sự tồn tại của công ty trong việc cạnh tranh gay gắt với doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường hiện nay. Do vậy, việc quản trị doanh nghiệp nói chung và công tác kế toán trong doanh nghiệp nói riêng, đặc biệt là công tác kế toán nguyên vật liệu luôn được các nhà quản lý quan tâm. Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ từ khâu thu mua, vận chuyển và xuất nguyên vật liệu cho các đội xây dựng.

- *Khâu thu mua:* Công ty đang áp dụng một quy trình quản lý vật tư từ khâu tiếp nhận, cấp phát đến thu hồi rất chặt chẽ và hiệu quả. Theo quy trình này cả 3 yếu tố số lượng, chất lượng, giá trị của vật tư mua vào đều được quản lý riêng biệt bởi 04 bộ phận khác nhau, đó là: phòng quản lý vật tư, phòng quản lý chất lượng, phòng mua bán-xuất nhập khẩu, phòng kế toán. Việc này làm cho khối lượng công việc ở mỗi phòng ban được giảm nhẹ mà lại tạo hiệu quả rất cao trong công tác quản lý vật tư và cung cấp thông tin nhanh chóng, chính xác cho Ban lãnh đạo.

Nhờ áp dụng quy trình này, số lượng vật tư luôn được đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ và luôn ở trạng thái sẵn sàng cho sản xuất, vì vậy Công ty luôn tránh được tình trạng phải ngưng hay giảm cường độ lao động do thiếu hay phải chờ nguyên vật liệu, gây thiệt hại cho công ty.

Bên cạnh đó chất lượng vật tư cũng luôn được đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho sản xuất. Chất lượng vật tư không chỉ được kiểm tra ở khâu nhập kho mà còn được kiểm tra kỹ lưỡng trước khi xuất dùng cho sản xuất, điều này đã giúp cho công ty tạo được lòng tin, uy tín và thu hút được khách hàng.

- *Khâu bảo quản:* Công ty đã xây dựng được hệ thống nhà kho riêng biệt cho từng loại nguyên vật liệu và có thủ kho riêng. Hệ thống kho của Công ty hiện tại gồm có: kho vật liệu chính, kho vật liệu phụ, kho vật liệu hàn, kho vật liệu sơn, và kho vật liệu điện. Mỗi kho đều được lắp đặt các thiết bị bảo quản vật liệu riêng, các kho đều được xây dựng nơi thoáng mát, sạch sẽ đảm bảo cho nguyên



vật liệu được đảm bảo tốt nhất, hạn chế ảnh hưởng của thời tiết, các thủ kho của từng kho này sẽ có tinh thần, trách nhiệm cao và trình độ chuyên môn tốt.

- *Khâu sử dụng*: Công ty căn cứ vào định mức nguyên vật liệu, và kế hoạch tiêu thụ do phòng thiết kế đưa ra để chủ động có kế hoạch mua vật tư nên lượng tồn kho rất ít, giảm chi phí lưu kho, vốn không ứ đọng, giá thành sản phẩm sẽ hạ bớt phần nào.

Nguyên vật liệu được quản lý chặt chẽ, mọi nhu cầu sản xuất được lập kế hoạch từ trước và được Giám đốc thông qua. Trong khâu xuất kho, công ty đòi hỏi sự chi tiết, rõ ràng và hợp lý về bộ phận sử dụng và mục đích sử dụng nguyên vật liệu cũng như mối liên hệ thống nhất giữa bộ phận quản lý sản xuất, quản lý vật tư, thủ kho, thông qua phiếu xuất kho, thẻ kho... Chính sự thống nhất, chặt chẽ trong thủ tục nhập, xuất kho nguyên vật liệu đã giúp cho công tác quản lý, hạch toán nguyên vật liệu tại công ty được chính xác, đảm bảo vật liệu được sử dụng hợp lý, tiết kiệm chi phí trong sản xuất.

**\* Về tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:**

Hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán tại công ty đang được áp dụng đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Hệ thống chứng từ được lập, kiểm tra, luân chuyển phù hợp với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Đồng thời phản ánh đầy đủ, kịp thời, chính xác tình hình biến động tài sản và nguồn vốn của công ty. Hình thức kế toán công ty áp dụng là hình thức Nhật ký chung. Đây là hình thức đơn giản phù hợp với quy mô của doanh nghiệp, giúp hệ thống hóa thông tin chính xác, khoa học. Hệ thống sổ sách báo cáo của công ty cũng khá linh hoạt và đầy đủ phù hợp với chế độ quy định của nhà nước.

**\* Về công tác hạch toán nguyên vật liệu:**

Kế toán vật tư phản ánh đầy đủ, kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến nguyên vật liệu, phù hợp với đặc trưng của ngành xây dựng và đúng theo chế độ kế toán hiện hành. Việc hạch toán nguyên vật liệu từ hạch toán chi tiết đến hạch toán tổng hợp đều được tiến hành rất đều đặn, đúng kỳ. Mặt khác do công ty tổng hợp nguyên vật liệu theo phương pháp kê khai thường xuyên nên phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn nguyên vật liệu liên tục. Phương pháp này phù hợp với tình hình biến động vật tư tại bất kỳ thời điểm nào. Hạch toán chi tiết nguyên vật liệu công ty áp dụng phương pháp thẻ song song. Phương pháp này đơn giản, dễ làm, dễ kiểm tra số liệu và cung cấp số liệu kịp thời cho

kế toán tổng hợp ngay cả khi có sự biến động của công ty diễn rathường xuyên, liên tục. Đây là phương pháp phù hợp với điều kiện thực tế của công ty.

### **3.1.2. Hạn chế.**

Bên cạnh những ưu điểm ở trên công tác kế toán nói chung và công tác kế toán nguyên vật liệu nói riêng của công ty còn bộc lộ rõ những mặt hạn chế cần khắc phục như sau:

#### **\* Về việc quản lý vật tư:**

- Do khối lượng vật liệu chính lớn, đa dạng, nhiều chủng loại mà diện tích nhà kho nhỏ và đang xuống cấp nên một số vật tư vẫn tập trung tập kết ngoài trời, tuy có bạt che phủ nhưng vẫn không tránh khỏi sự han gỉ của vật liệu.
- Công ty chưa có hệ thống mã hóa khoa học cho từng loại nguyên vật liệu do vậy sẽ gây khó khăn cho công tác quản lý nguyên vật liệu. Các loại nguyên vật liệu mới chỉ được mã hóa bằng chữ cái theo ký hiệu viết tắt của chúng vì vậy thiếu thống nhất, rất khó để mọi người nhận biết đâu là nguyên vật liệu chính và đâu là nguyên vật liệu phụ, phụ từng thay thế,...Do vậy, công tác quản lý nguyên vật liệu chưa được phân định rõ ràng. Đây là vấn đề ban lãnh đạo công ty cần quan tâm, xem xét để có một hệ thống nguyên vật liệu được mã hóa khoa học hợp lý hơn tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, bảo quản, sử dụng và thuận tiện trong việc ứng dụng phần mềm kế toán.

#### **\* Về công tác hạch toán kế toán:**

Do Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng chủng loại vật tư nguyên liệu rất đa dạng dẫn đến số lượng sổ sách theo dõi rất lớn và phức tạp. Hiện nay, phòng kế toán công ty vẫn thực hiện bằng tay trên sổ sách giấy tờ do vậy rất vất vả, việc áp dụng tin học chỉ là sử dụng chương trình excel để lập sổ và hỗ trợ cho việc tính toán. Việc này đã làm cho hiệu quả quản lý đối với nguyên vật liệu cũng như hạch toán kế toán bị hạn chế, vì chương trình này và hệ thống sổ kế toán chưa đầy đủ để thuận tiện cho việc theo dõi, cung cấp thông tin kịp thời, chính xác cho Ban lãnh đạo khi được yêu cầu.

#### **\* Về việc luân chuyển chứng từ:**

Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ từ khi luân chuyển chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì các bên giao nhận chứng từ đều phải ký vào phiếu giao nhận. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người, đúng bộ phận để có biện pháp xử lý.

Việc làm này giúp quản lý chứng từ chặt chẽ hơn và theo dõi được số lượng chứng từ trong một khoảng thời gian nhất định. Hơn nữa, cũng nâng cao tinh thần trách nhiệm cho cán bộ nhân viên đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

**\*Về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Công ty chưa tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nên khi có những biến động về giá cả nguyên vật liệu thì công ty không có nguồn tài chính để bù đắp những tổn thất có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Điều này có thể dẫn đến tình trạng không bảo tồn vốn kinh doanh của công ty, gây bất ổn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh.

**3.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh.**

Trải qua quá trình phát triển và đổi mới sâu sắc theo cơ chế thị trường hơn thập kỷ qua, kế toán Việt Nam đã không ngừng được hoàn thiện và phát triển, góp phần tích cực vào việc tăng cường và nâng cao chất lượng quản lý tài chính quốc gia và quản trị doanh nghiệp.

Việc hoàn thiện tổ chức hạch toán kế toán nguyên vật liệu sẽ giúp cho doanh nghiệp tiết kiệm được chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao lợi nhuận. Cũng như nhiều doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây dựng với đặc điểm chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ trọng lớn trong tổng chi phí để xây dựng công trình cũng như giá thành sản phẩm. Vì vậy mà việc nghiên cứu, đưa ra những biện pháp để hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu là vô cùng cần thiết và việc hoàn thiện này phải được tuân theo những yêu cầu sau:

✓ Hoàn thiện công tác kế toán trước hết phải phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hệ thống ban hành bắt buộc các doanh nghiệp phải áp dụng, nhưng được quyền vận dụng trong một phạm vi nhất định, phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp để mang lại hiệu quả cao nhất.

✓ Các biện pháp hoàn thiện phải được xây dựng trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán hiện hành. Tổ chức công tác kế toán ở các đơn vị kinh tế được phép vận dụng và cải tiến cho phù hợp với tình hình quản lý tại đơn vị mình, không bắt buộc phải dập khuôn theo chế độ, nhưng trong khuôn khổ nhất định vẫn phải tôn trọng chế độ hiện hành về quản lý tài chính của nhà nước.

✓ Kế toán là khoa học thu nhận, xử lý thông tin phục vụ cho yêu cầu quản lý

của các nhà quản trị doanh nghiệp. Do vậy, các thông tin kế toán đưa ra phải chính xác, kịp thời, phù hợp với yêu cầu, giúp cho các nhà quản trị đưa ra các quyết định đúng đắn, đạt kết quả tối ưu, đây là yêu cầu không thể thiếu trong công tác kế toán.

✓ Hoàn thiện công tác kế toán phải đảm bảo hài hòa mối quan hệ giữa chi phí và lợi nhuận đạt được mục tiêu tối thiểu hóa chi phí, tối ưu hóa lợi nhuận.

### **3.2.1. Hoàn thiện về việc kiểm nghiệm chất lượng nguyên vật liệu nhập kho.**

Trong môi trường phát triển kinh tế hội nhập hiện nay, cạnh tranh trở thành một yếu tố mang tính chất quốc tế, đóng vai trò quyết định đến sự tồn tại và phát triển của mỗi doanh nghiệp. Đối với một doanh nghiệp xây lắp thì chất lượng nguyên vật liệu trở thành một trong những chiến lược quan trọng nhất làm tăng năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp. Quan tâm tới chất lượng, quản lý chất lượng nguyên vật liệu chính là một trong những phương thức tiếp cận và tìm cách đạt được những thắng lợi trong sự cạnh tranh gay gắt trên thương trường nhằm duy trì sự tồn tại và phát triển của công ty. Để phục vụ nhu cầu sản xuất thì số lượng nguyên vật liệu nhập kho công ty là rất lớn, tuy nhiên công ty mới chỉ kiểm tra về mặt số lượng, còn về mặt chất lượng nguyên vật liệu nhập kho chưa được đặc biệt chú trọng.

Vì vậy công ty nên lập một hội đồng kiểm nghiệm và sử dụng biên bản kiểm nghiệm vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa để kiểm tra số lượng, quy cách, chất lượng nguyên vật liệu nhập kho cũng như quản lý chất lượng trong quá trình bảo quản và sử dụng, từ đó làm căn cứ để quy trách nhiệm trong thanh toán và bảo quản.

**Biểu số 3.1: Biên bản kiểm nghiệm vật tư**

**Đơn vị:** Công ty CP Xây Lắp Cơ Điện Quang Minh  
**Địa chỉ:** 12/618 Ngô Gia Tự – P. Thành Tô –  
Quận Hải An – Hải Phòng

**Mẫu số: 03 - VT**  
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BIÊN BẢN KIỂM NGHIỆM**  
**Vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hoá**  
Ngày...tháng...năm....

Số:.....

- Căn cứ.....số.....ngày.....tháng.....năm.....của.....

Ban kiểm nghiệm gồm:

+ Ông/Bà.....Chức vụ.....Đại diện.....Trưởng ban

+ Ông/Bà.....Chức vụ.....Đại diện..... Ủy viên

+ Ông/Bà.....Chức vụ.....Đại diện..... Ủy viên

STT	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư, công cụ, sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Phương thức kiểm nghiệm	Đơn vị tính	Số lượng theo chứng từ	Kết quả kiểm nghiệm		Ghi chú
						Số lượng đúng quy cách, phẩm chất	Số lượng không đúng quy cách, phẩm chất	
A	B	C	D	E	1	2	3	F

Ý kiến của Ban kiểm nghiệm:.....

**Đại diện kỹ thuật**

**Thủ kho**

**Trưởng ban**

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

**3.2.2. Hoàn thiện việc lập sổ danh điểm vật tư.**

Công ty cổ phần xây lắp cơ điện Quang Minh là một công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng nên khối lượng nguyên vật liệu sử dụng là rất lớn và đa dạng về chủng loại, kích cỡ. Hiện nay nguyên vật liệu của công ty được phân loại theo chức năng, vai trò chúng đảm nhiệm trong quá trình sản xuất. Việc phân loại như vậy thì đơn giản nhưng chưa khoa học, chưa thể hiện được rõ đặc điểm

công dụng của từng loại nguyên vật liệu. Theo em công ty nên xây dựng một hệ thống danh điểm vật tư thống nhất toàn công ty và sử dụng “Sổ danh điểm vật tư”

Sổ danh điểm vật tư là sổ danh mục tập hợp toàn bộ các loại nguyên vật liệu đã và đang sử dụng, được theo dõi theo từng nhóm, từng loại, quy cách vật liệu một cách chặt chẽ, logic, hợp lý. Hệ thống các danh điểm vật tư có thể được xác định theo nhiều cách thức khác nhau nhưng phải đảm bảo đơn giản, dễ nhớ, không trùng lặp. Mỗi loại, mỗi nhóm vật liệu được quy định một mã riêng sắp xếp một cách trật tự, thuận tiện cho việc tìm kiếm khi cần thiết.

Xây dựng sổ danh điểm vật tư giúp cho việc quản lý từng loại vật tư sẽ tránh được nhầm lẫn, thiếu sót và cũng giúp cho việc thống nhất giữa thủ kho và kế toán trong việc lập bảng kê, báo cáo nhập, xuất, tồn.

Để đảm bảo phản ánh đúng chức năng cũng như công dụng của từng loại nguyên vật liệu công ty nên sử dụng các tiêu khoản như sau trong quá trình hạch toán nguyên vật liệu:

- TK 1521: “Nguyên vật liệu chính”
- TK 1522: “Nguyên vật liệu phụ”
- TK 1523: “Nhiên liệu”
- TK 1524: “Phụ tùng thay thế”
- TK 1525: “Phế liệu thu hồi”

Việc mở thêm các tiêu khoản sẽ giúp cho việc quản lý theo dõi các loại nguyên vật liệu một cách khoa học và thuận tiện hơn, tránh gây tình trạng nhầm lẫn, sai sót, đồng thời phản ánh đúng theo quy định của nhà nước.

Để lập sổ danh điểm vật tư điều quan trọng nhất là phải xây dựng được bộ mã vật liệu chính xác, đầy đủ, không trùng lặp, có dự trữ để bổ sung những mã vật liệu chưa có. Công ty có thể xây dựng bộ mã dựa vào các đặc điểm sau:

- Dựa vào nhóm nguyên vật liệu;
- Dựa vào loại vật liệu trong mỗi nhóm;
- Dựa vào số thứ tự vật liệu có trong mỗi nhóm, loại;
- Dựa vào quy cách vật liệu trong mỗi thứ;

Ví dụ:

**TK 1521: Nhóm nguyên vật liệu chính.**

TK 1521- A: Cát

Trong đó:

TK 1521- A1: Cát đen

TK 1521- A2: Cát vàng

TK 1521- A3: Cát Hà Bắc .....

**TK 1522: Nhóm nguyên vật phụ**

TK 1522- A: Cọc tre cây trồng

Trong đó:

TK 1522- A1: Cọc tre 5m

TK 1522- A2: Cọc tre 4m

**TK 1523: Nhóm nhiên liệu**

TK 1523- A: Dầu

TK 1523- B: Xăng

.....

**TK 1524: Phụ tùng thay thế**

**TK 1525: Phế liệu thu hồi**

Theo em, để tiện lợi cho việc theo dõi và quản lý nguyên vật liệu công ty nên lập sổ danh điểm vật tư như sau:



**Biểu số 3.2: Sổ danh điểm vật tư**

**SỔ DANH ĐIỂM VẬT TƯ**

Kí hiệu		Danh điểm vật tư	Tên, nhãn hiệu, quy cách vật tư	Đơn vị tính	Ghi chú
Nhóm	Loại				
<b>TK1521</b>			<b>Nguyên vật liệu chính</b>		
	<b>TK 1521- A</b>		<b>Cát</b>	m3	
		TK 1521- A1	Cát đen	m3	
		TK 1521- A2	Cát vàng	m3	
		TK 1521- A3	Cát Hà Bắc	m3	
....	.....	...	....	..	....
	<b>TK 1521- B</b>		<b>Xi măng</b>		
		TK 1521- B1	Xi măng Chifont	Bao	
		TK 1521- B2	Xi măng PCB30	Bao	
		TK 1521- B3	Xi măng PCB40	Bao	
....	.....	...	....	..	....
<b>TK 1522</b>			<b>Nguyên vật phụ</b>		
	<b>TK 1522- A</b>		Cọc tre cây trồng	Cọc	
		TK 1522- A1	Cọc tre 5m	Cọc	
....	.....	...	....	..	....
<b>TK 1523</b>			<b>Nhiên liệu</b>		
...	...	....	.....	...	....
<b>TK 1524</b>			<b>Phụ tùng thay thế</b>		
...	....	....	....	....	....
<b>TK 1525</b>			<b>Phế liệu thu hồi</b>		
....	....	....	....	...	....



### 3.2.3. Hoàn thiện công tác kế toán luân chuyển chứng từ.

- Qua theo dõi chứng từ ban đầu ở các đội việc sử lý để chuyển lên phòng kế toán trung tâm còn chậm do đó phải có biện pháp quy định về mặt thời gian luân chuyển chứng từ ban đầu để đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời.

- Công ty nên lập sổ giao nhận chứng từ giữa các phòng ban, bộ phận. Mỗi khi luân chuyển chứng từ thì bên giao và nhận chứng từ phải ký vào sổ. Nếu xảy ra mất mát chứng từ cũng dễ quy trách nhiệm cho đúng người đúng bộ phận. Việc này giúp quản lý chặt chẽ các chứng từ của công ty hơn nữa cũng nâng cao trách nhiệm cho cán bộ đối với việc quản lý chứng từ nói riêng và công việc nói chung.

### Biểu số 3.3: Sổ giao nhận chứng từ.

#### SỔ GIAO NHẬN CHỨNG TỪ

Năm...

STT	Chứng từ		Nội dung trên chứng từ	Số tiền trên chứng từ	Ký tên	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Người giao	Người nhận

### 3.2.4. Hoàn thiện về việc trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Để tránh được những tổn thất có thể xảy ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời phản ánh đúng giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho của công ty khi lập báo cáo tài chính vào cuối kỳ kế toán thì công ty nên tiến hành trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho là dự phòng phần giá trị dự kiến bị tổn thất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh do giảm giá hàng tồn kho có thể xảy ra trong năm kế hoạch. Đây sẽ là nguồn tài chính bù đắp những tổn thất có thể xảy ra khi sự thay đổi giá của nguyên vật liệu có sự biến động theo chiều hướng không có lợi cho công ty và đảm bảo việc cung cấp nguyên vật liệu kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh diễn ra thường xuyên, liên tục.

Các khoản dự phòng có vai trò quan trọng đối với doanh nghiệp và nó được thể hiện ở một số mặt khác nhau như: nhờ có khoản dự phòng giảm giá bằng cân đối kế toán của doanh nghiệp phản ánh chính xác hơn giá trị thực của tài sản. Dự

phòng giảm giá được ghi nhận như một khoản chi phí làm giảm lợi nhuận phát sinh để tính toán chính xác hơn ra số lợi nhuận thực tế.

Doanh nghiệp có thể lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho nếu tại thời điểm lập báo cáo tài chính những hàng hóa có giá trị bán trên thị trường thấp hơn giá trị trên sổ kế toán, hàng hóa thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp.

Phải lập dự phòng cho những vật tư, hàng hóa tồn kho nếu xét thấy có những bằng chứng đáng tin cậy có thể xảy ra trong tương lai.

Kế toán xác định số dự phòng giảm giá cần lập cho niên độ kế toán với điều kiện không được lớn hơn số lợi nhuận thực tế của công ty.

*Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 1593 – Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.*

**Bên Nợ:** Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hoàn nhập ghi giảm giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Bên Có:** Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Số dư bên Có:** Giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho hiện có cuối kỳ.

\* Phương pháp hạch toán

Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý), khi lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lần đầu tiên, ghi:

Nợ TK 632 - Giá vốn hàng bán

Có TK 1593 - Dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Cuối kỳ kế toán năm (hoặc quý) tiếp theo:

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay lớn hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch, ghi:  
Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn).

Có TK 1593: Dự phòng tổn thất tài sản (1593).

- Nếu khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập ở cuối kỳ kế toán năm nay nhỏ hơn khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã lập ở cuối kỳ kế toán năm trước chưa sử dụng hết thì số chênh lệch nhỏ hơn ghi:

Nợ TK 1593: Dự phòng tổn thất tài sản (1593).

Có TK 632: Giá vốn hàng bán (chi tiết dự phòng giảm giá hàng tồn).

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với vật tư, hàng

hóa bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, ghi:

Nợ TK 1593: Dự phòng tổn thất tài sản (số được bù đắp bằng dự phòng).

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán (nếu số tổn thất cao hơn số đã lập dự phòng).

Có các TK 152,153,155,156.

- Kế toán xử lý khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho trước khi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước chuyển thành công ty cổ phần: Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho sau khi bù đắp tổn thất, nếu được hạch toán tăng vốn nhà, ghi:

Nợ TK 1593: Dự phòng tổn thất tài sản (1593).

Có TK 411: Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

*Ví dụ:*

Cuối năm 2015 giá đá học trên thị trường chỉ còn 230.000 đồng/m<sup>3</sup>. Trong khi đó giá ghi sổ của công ty là 245.000 đồng/m<sup>3</sup>, trong kho còn dự trữ 1.650 m<sup>3</sup>, khi đó công ty cần lập dự phòng giảm giá cho vật liệu này:

Mức giảm giá xi măng CF:  $245.000 - 230.000 = 15.000$  đồng/ m<sup>3</sup>.

Mức trích lập dự phòng:  $15.000 \text{ (đồng/m}^3\text{)} \times 1.650 \text{ (m}^3\text{)} = 24.750.000$  đồng

Việc lập dự phòng giảm giá được tiến hành riêng cho từng loại nguyên vật liệu và được tổng hợp vào bảng kê dự phòng giảm giá nguyên vật liệu:

**Biểu số 3.4: Bảng kê chi tiết giảm giá hàng tồn kho.**

**BẢNG KÊ CHI TIẾT GIẢM GIÁ HÀNG TỒN KHO**

**Năm 2014**

<b>Tên hàng</b>	<b>ĐVT</b>	<b>Số lượng</b>	<b>Giá hạch toán</b>	<b>Giá thị trường</b>	<b>Mức chênh lệch</b>	<b>Mức dự phòng</b>
Đá học	M <sup>3</sup>	1.650	230.000	245.000	15.000	24.750.000
Xi măng PCB	tấn	19	1.360.000	1.193.000	167.000	3.173.000
Xi măng HT	tấn	28	1.389.000	1.178.000	221.000	6.188.000
Cộng						34.111.000

**Người lập**  
(ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**  
(ký, họ tên)

**Giám đốc**  
(ký, họ tên)

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632: 34.111.000

Có TK 1593: 34.111.000

Kế toán lập phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên rồi từ đó vào sổ Nhật ký chung và sổ cái tài khoản liên quan.

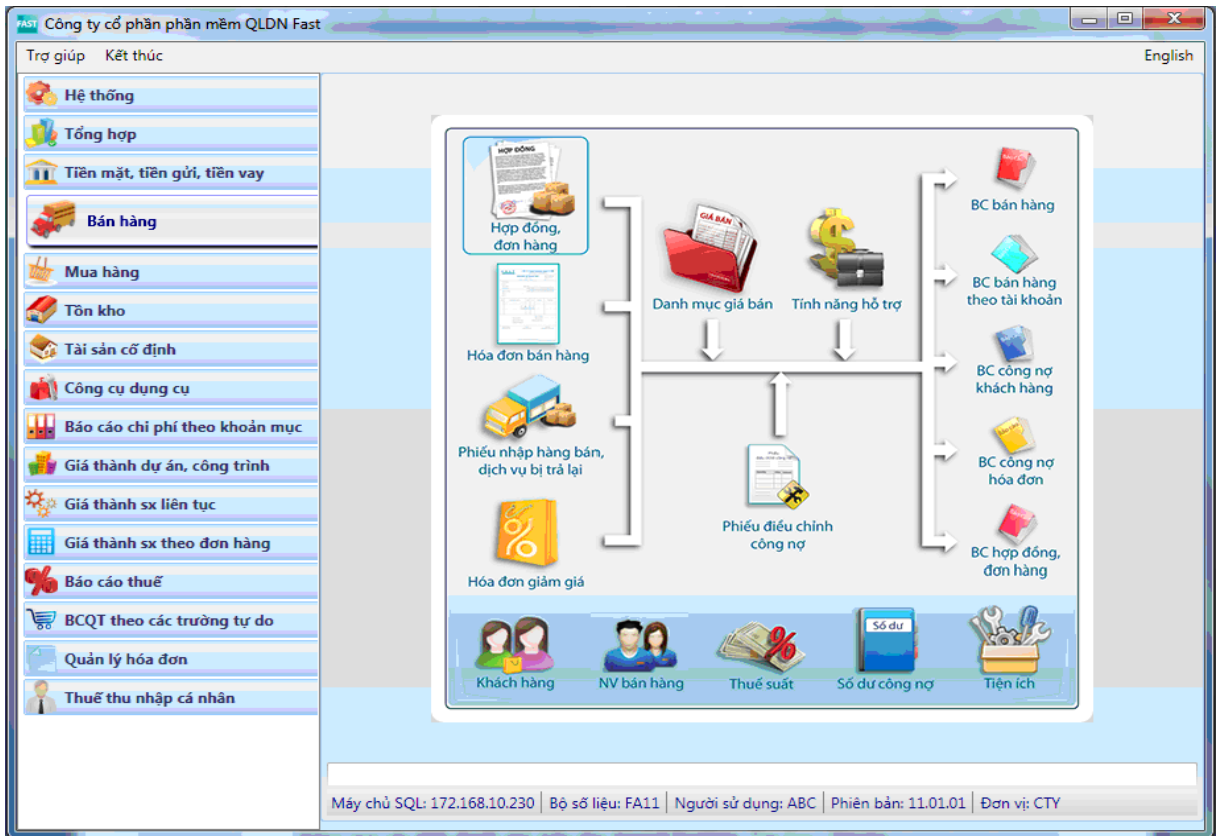
### **3.2.5. Hoàn thiện việc ứng dụng Công nghệ thông tin vào công tác kế toán**

Hiện nay Công ty CP xây lắp cơ điện Quang Minh đang thực hiện kế toán thủ công trên máy tính với excel. Việc này khá vất vả và tốn nhiều thời gian công sức của kế toán. Theo em, công ty nên cân nhắc đầu tư sử dụng phần mềm kế toán để hạch toán các nghiệp vụ kinh tế.

*Nhằm:* Giúp tăng hiệu quả công việc, tránh nhầm lẫn, giảm bớt khối lượng công việc cho kế toán, giảm chi phí cho việc thuê các kế toán giỏi, giàu kinh nghiệm, cập nhật các thông tư, quy định mới một cách nhanh chóng, chính xác hơn.

Có thể liên hệ trực tiếp với các công ty bán phần mềm kế toán để mua phần mềm, cử nhân viên đi học cách sử dụng phần mềm.

Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp như MISA, FAST... Với hình thức nhật ký chung công ty nên sử dụng phần mềm kế toán MISA.



Hãy sử dụng phần mềm kế toán FAST:



Cùng với sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin như hiện nay. Việc áp dụng phần mềm kế toán vào hạch toán kế toán tại công ty là cần thiết đối với Công ty TNHH Bao bì AP Hà Nội là một công ty có khối lượng công việc kế toán tương đối nhiều. Áp dụng phần mềm kế toán tiết kiệm được thời gian và chi phí nhân viên kế toán, giúp cho công tác quản lý được nâng cao, công việc hạch toán kế toán của công ty không bị chậm trễ.

+ Theo như hiện nay thì mỗi kế toán đã được trang bị một máy tính riêng việc đưa phần mềm kế toán vào ứng dụng là hợp lý và thuận lợi, trình độ của kế toán trong ứng dụng tin học cao ít gặp trở ngại khi sử dụng phần mềm. Từ đó giúp giảm bớt khó khăn cho kế toán trong công việc kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các sổ, giúp kế toán tính toán, tổng hợp số liệu, lập báo cáo nhanh chóng và có độ chính xác cao, giảm thiểu việc ghi chép thủ công và giúp lưu trữ, bảo quản dữ liệu, thông tin kế toán bảo mật và an toàn. Phần mềm kế toán được ứng dụng đảm bảo cho công tác hạch toán của Công ty sẽ mang lại hiệu quả cao và thiết thực đối với công ty.

### **3.2.6. Một số giải pháp khác.**

#### **3.2.6.1. Quản lý và sử dụng vật tư.**

Để có thể giảm thiểu được chi phí thì công ty phải chú trọng đến công tác quản lý, sử dụng vật tư ở tất cả các khâu, cụ thể như sau:

- Giảm giá chi phí công tác thu mua, sử dụng đúng định mức, tiết kiệm, hạn chế hỏng, bảo quản nguyên vật liệu trong kho, che đậy,...
- Công ty vẫn thường mua hàng của các đối tác quen thuộc nên tìm kiếm thêm các nhà cung cấp mới để có nhiều sự lựa chọn hơn, sẽ có được mức giá hợp lý nhằm giảm chi phí thông qua các khoản giảm giá, chiết khấu thương mại và có được vật tư với chất lượng tốt nhất như vậy cũng tránh được tình trạng phải phụ thuộc vào nhà cung cấp.
- Nên có chế độ khen thưởng đối với các cá nhân, tập thể sử dụng tiết kiệm nguyên vật liệu, có những sáng kiến trong việc sử dụng tiết kiệm vật tư. Đồng thời cũng kỷ luật các cá nhân, tập thể gây lãng phí vật tư. Bên cạnh đó nên tổ chức các cuộc thi để tạo sự thi đua giữa các cá nhân, tập thể trong việc tiết kiệm vật tư, giảm chi phí.
- Thường xuyên đôn đốc nhắc nhở công tác thu hồi vật tư, thiết bị để tái chế, phục hồi đưa vào sản xuất nhằm giảm chi phí.



### **3.2.6.2. Về việc tổ chức kho bảo quản.**

- Với vật liệu chính như: các loại thép tấm, thép hình, thép ống... có kích cỡ lớn, chiều dài lớn do Công ty không thể xây dựng nhà kho bảo quản mà chỉ tập kết tại các bãi tập ngoài trời, tuy có bạt che phủ nhưng không tránh khỏi tình trạng han gỉ, thất thoát, giảm chất lượng vật tư. Mặt khác, vật tư cũng chưa được phân vùng hợp lý các chủng loại vật liệu riêng biệt nên có tình trạng vật liệu để chồng chéo, lẫn các loại với nhau, rất khó trong công tác tìm kiếm vật liệu để sử dụng cho các dự án, vì vậy công ty nên mở rộng diện tích bãi tập kết vật liệu, khoanh vùng và đặt hệ thống biển báo cho từng chủng loại vật liệu riêng.

- Với các loại nguyên vật liệu phụ cũng vậy, tuy đã có hệ thống nhà kho riêng nhưng qua tìm hiểu cho thấy việc quản lý vật liệu phụ cũng chưa được hợp lý, các loại vật liệu có kích thước nhỏ nhưng lại có số lượng lớn, các thủ kho chưa có cách sắp xếp hợp lý trong kho, chưa được phân loại chi tiết theo kích cỡ, chuyên dùng hay trọng lượng vận chuyển...do vậy khi theo dõi, quản lý cấp phát và phân bổ giá trị sẽ chưa đảm bảo được độ chính xác cao nên chúng thường bị lẫn vào nhau, vì vậy phòng quản lý vật tư nên cho chế tạo các giá đựng vật liệu, đánh tên và vị trí cho các chủng loại vật liệu để dễ dàng trong việc tìm kiếm.

### **3.2.6.3. Bộ máy kế toán.**

Để nâng cao hiệu quả trong quá trình sản xuất kinh doanh ngoài việc tìm kiếm và mở rộng thị trường thì xí nghiệp cũng phải quan tâm đến các vấn đề nhân sự: thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiến thức cho cán bộ công nhân viên đặc biệt là trình độ tin học và các chuẩn mực kế toán mới. Thường xuyên kiểm tra sổ sách, đối chiếu số liệu nhằm phát hiện sai sót để chấn chỉnh kịp thời. Phát huy, tận dụng hết khả năng sử dụng máy vi tính mà công ty trang bị nhằm tổng hợp số liệu khoa học, rõ ràng. Tăng cường theo dõi, kiểm tra cán bộ công nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình thông qua việc thường xuyên theo dõi bảng chấm công của từng phòng ban. Tổ chức giờ làm việc một cách khoa học, ổn định, công tác phân công nhiệm vụ cụ thể nhằm chuyên môn hóa công tác kế toán, tăng hiệu quả của công việc. Có chính sách khen thưởng với các cá nhân có thành tích xuất sắc trong công việc. Có chế độ thưởng phạt rõ ràng để khuyến khích tinh thần làm việc.

Bộ máy kế toán của một doanh nghiệp là tập hợp những người làm kế toán làm tại doanh nghiệp cùng với các phương tiện, trang thiết bị dùng để ghi chép, tính toán, xử lý toàn bộ thông tin liên quan đến công tác kế toán tại doanh nghiệp từ khâu thu nhận, kiểm tra, xử lý đến khâu tổng hợp, cung cấp những thông tin kinh tế về các hoạt động của đơn vị. Vấn đề nhân sự để thực hiện công tác kế toán có ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong tổ chức kế toán của doanh nghiệp. Tổ chức nhân sự như thế nào để từng người phát huy được cao nhất điểm mạnh của mình, đồng thời tác động tích cực đến những bộ phận hoặc người khác có liên quan là mục tiêu của tổ chức bộ máy kế toán. Việc phân công nhiệm vụ, chức năng của các cán bộ kế toán của công ty hiện nay chưa hợp lý nên gây ra việc kém hiệu quả trong công tác tổ chức và quản lý. Việc phân chia lại nhiệm vụ của từng người là rất cần thiết vì qua đó có thể tăng được hiệu quả quản lý và nâng cao được sự cạnh tranh của công ty với các đối thủ cạnh tranh.



## KẾT LUẬN

Qua nội dung đã trình bày có thể nói rằng kế toán nguyên vật liệu chiếm một vị trí quan trọng trong công tác kế toán ở các doanh nghiệp, nó góp phần không nhỏ và sự thành bại của doanh nghiệp nhất là đối với các doanh nghiệp sản xuất. Do vậy, tăng cường kế toán nguyên vật liệu đảm bảo sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm vật liệu để hạ giá thành có ý nghĩa vô cùng quan trọng.

Sau một thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty CP xây lắp cơ điện Quang Minh cùng với sự giúp đỡ của cô giáo hướng dẫn và cán bộ phòng kế toán – tài chính của công ty, em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: “Hoàn thiện công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh.”.

Về mặt lý luận: Em đã trình bày một cách khái quát, có hệ thống những lý luận cơ bản về kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp.

Về mặt thực tế: Em đã đề xuất các biện pháp cụ thể nhằm hoàn thiện kế toán nguyên vật liệu nói riêng và công tác kế toán nói chung.

Mặc dù đã cố gắng song do khả năng có hạn và thời gian tiếp xúc thực tế không nhiều nên Đồ án tốt nghiệp này không tránh khỏi những hạn chế, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo để đồ án được hoàn thiện hơn và em được củng cố kiến thức và rút kinh nghiệm cho bản thân sau khi ra công tác. Sau cùng em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Nguyễn Thị Mai Linh và các cán bộ kế toán Công ty cổ phần xây lắp cơ điện Quang Minh đã giúp đỡ em nhiệt tình trong việc hoàn thiện bài khóa luận này. Xin chúc công ty cổ phần xây lắp cơ điện Quang Minh thành công rực rỡ trên con đường phát triển của mình.

**Em xin chân thành cảm ơn!**

Hải phòng, ngày 20 tháng 12 năm 2016

Sinh viên

Nguyễn Thị Hương Thảo

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ngày 14 tháng 09 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
2. Chế độ kế toán doanh nghiệp (Quyển 1 và 2) – Nhà xuất bản tài chính.
3. Tài liệu, chứng từ, sổ sách kế toán năm 2015 của công ty Cổ phần xây lắp – cơ điện Quang Minh.
4. Khóa luận tốt nghiệp sinh viên khóa 13,14,15 trường Đại học Dân lập Hải Phòng
5. Mạng Internet